

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 09/2025)



MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

06. Tiêu chuẩn - chìa khóa để đạt các mục tiêu phát triển bền vững
07. Minh bạch chuỗi quy trình sản xuất phụ gia với tiêu chuẩn ASTM F3774
08. Chuẩn hoá công trình xây dựng với ISO 16521:2024
09. Hoạt động tiêu chuẩn thúc đẩy chuyển đổi số
10. Chứng nhận hữu cơ khẳng định giá trị nông sản sạch
11. Tăng cường an toàn cho sản phẩm tiêu dùng tích hợp AI
12. Khẳng định vai trò quan trọng của hoạt động đo lường trong đời sống
13. Minh bạch thông tin dinh dưỡng theo TCVN 14429:2025
14. TCVN 14468:2025 – Bước đột phá cho tiêu chuẩn đo lường kinh tế tuần hoàn sản phẩm
15. Lấy ý kiến, hoàn thiện Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia cho sản phẩm sữa dạng lỏng
16. Sớm ban hành QCVN, TCVN về trạm sạc xe điện lắp đặt công cộng
17. ISO 22002-2:2025 thúc đẩy đảm bảo an toàn thực phẩm dịch vụ ăn uống
18. Đồng Nai triển khai sơ tuyển Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2025
19. Tiêu chuẩn mới cho các sản phẩm có thể phân hủy
20. Tiêu chuẩn quốc tế mới đặt ra các quy tắc để kiểm toán hệ thống quản lý AI
21. Hai tiêu chuẩn mới sẽ hỗ trợ nỗ lực giảm thiểu rác thải trên thế giới
23. Áp dụng tiêu chuẩn hàng đầu thế giới về công nghệ vận hành
24. Hoàn thiện tiêu chuẩn quy chuẩn môi trường thúc đẩy phát triển xanh

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

25. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 09/2025

❖ VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Văn phòng Quốc hội vừa công bố Văn bản hợp nhất số 156/VBHN-VPQH năm 2025 về Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Văn bản hợp nhất này được xây dựng trên cơ sở Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan, nhằm hệ thống hóa, bảo đảm tính thống nhất và thuận tiện trong áp dụng.

Luật quy định nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất – kinh doanh; thẩm quyền quản lý nhà nước; cũng như cơ chế kiểm tra, chứng nhận, công bố hợp chuẩn, hợp quy.

Việc ban hành văn bản hợp nhất giúp đơn giản hóa quá trình tra cứu, áp dụng pháp luật cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các bên liên quan, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Văn phòng Quốc hội vừa công bố Văn bản hợp nhất số 159/VBHN-VPQH năm 2025 về Luật Chuyển giao công nghệ.

Văn bản hợp nhất này được xây dựng trên cơ sở Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan, nhằm hệ thống hóa, bảo đảm tính thống nhất và

để tra cứu trong áp dụng.

Luật quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước và từ nước ngoài vào Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia, chính sách khuyến khích chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến; đồng thời đưa ra các cơ chế quản lý nhà nước, hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Việc ban hành văn bản hợp nhất góp phần đơn giản hóa quá trình tiếp cận pháp luật, hỗ trợ doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các chủ thể đổi mới sáng tạo triển khai hiệu quả hoạt động chuyển giao công nghệ, thúc đẩy phát triển kinh tế dựa trên khoa học – công nghệ./.

❖ BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày 11/9/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư 57/2025/TT-BNNMT ban hành 02 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá.

Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư này 02 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá, bao gồm:

QCVN 91:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

QCVN 92:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 24 mét.

Hai Quy chuẩn này quy định chi tiết các yêu cầu về thiết kế, vật liệu, kết cấu, trang thiết bị và quy trình phân cấp, đóng mới tàu cá. Việc ban hành nhằm đảm bảo đồng bộ hệ thống quy chuẩn, nâng cao chất lượng và độ an toàn kỹ thuật của tàu cá, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển đội tàu hiện đại, phù



hợp với điều kiện khai thác xa bờ và xu thế hội nhập quốc tế.

Các doanh nghiệp đóng tàu, đơn vị đăng kiểm và ngư dân cần sớm tiếp cận, áp dụng quy chuẩn mới để đảm bảo tuân thủ quy định kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất và an toàn trong hoạt động khai thác thủy sản.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Thông tư số 07/2021/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 24 mét - QCVN 02-35:2021/BNNPTNT.

Ngày 18/9/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư 59/2025/TT-BNNMT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000



Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, ký hiệu QCVN 88:2025/BNNMT.

Quy chuẩn này quy định thống nhất về cấu trúc dữ liệu, chuẩn kỹ thuật, phương pháp xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu nền địa lý, bảo đảm tính đồng bộ, chính xác và khả năng chia sẻ trong hệ thống thông tin địa lý quốc gia.

Việc ban hành nhằm hiện đại hóa hạ tầng dữ liệu không gian, phục vụ công tác quy hoạch, quản lý tài nguyên – môi trường, phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế – xã hội và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực địa lý – bản đồ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2026. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 15/2020/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000.

b) Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000./.

❖ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Các Quyết định ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia

Quyết định số 1581/QĐ-BKHHCN (2/7/2025):

1. TCVN 14363-1:2025, Bản đồ điều tra đánh giá đất đai – Phần 1: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ chất lượng đất

2. TCVN 14363-2:2025, Bản đồ điều tra đánh giá đất đai – Phần 2: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ thoái hóa đất

Quyết định số 1620/QĐ-BKHHCN (04/7/2025):

1. TCVN 14362:2025, Viễn thám quang học đa phổ – Ảnh viễn thám độ phân giải cao và siêu

cao – Quy trình xử lý ảnh viễn thám mức 2A, 3A, 3B.

Quyết định số 1726/QĐ-BKHCN (14/7/2025):

1. TCVN 13587:2025, Viễn thám quang học đa phổ - Siêu dữ liệu viễn thám mức 1A, 2A, 3A, 3B - Yêu cầu kỹ thuật
2. TCVN 13588:2025, Viễn thám quang học đa phổ - Ảnh viễn thám độ phân giải cao và siêu cao mức 1A, 2A, 3A, 3B - Yêu cầu kỹ thuật

Quyết định số 1730/QĐ-BKHCN (14/7/2025):

1. TCVN 6426:2025, Nhiên liệu phản lực tước bin hàng không Jet A-1 – Quy định kỹ thuật
2. TCVN 14400:2025, Nhiên liệu hàng không – Phương pháp tính nhiệt trị cháy thực
3. TCVN 14401:2025, Nhiên liệu tước bin hàng không – Xác định độ bôi trơn bằng thiết bị đánh giá khả năng bôi trơn viên bi trên xy lanh (BOCLE)
4. TCVN 14402:2025, Nhiên liệu hàng không – Xác định tạp chất dạng hạt bằng phương pháp lọc trong phòng thí nghiệm
5. TCVN 14403:2025, Nhiên liệu hàng không – Xác định điểm băng (Phương pháp chuyển pha tự động)
6. TCVN 14404:2025, Nhiên liệu tước bin hàng không loại kerosin có chứa phụ gia – Xác định đặc tính tách nước bằng thiết bị tách nước xách tay
7. TCVN 14405:2025, Nhiên liệu tước bin hàng không – Xác định nồng độ phụ gia giảm trở lực đường ống
8. TCVN 14406:2025, Nhiên liệu tước bin hàng không – Xác định đặc tính tách nước bằng thiết bị tách nước cỡ nhỏ

Quyết định số 1824/QĐ-BKHCN (18/7/2025):

1. TCVN 14380-1:2025, Máy và thiết bị xây dựng – Máy nghiền di động – Phần 1: Thuật ngữ và đặc tính kỹ thuật
2. TCVN 14380-2:2025, Máy và thiết bị xây dựng – Máy nghiền di động – Phần 2: Yêu cầu an toàn và kiểm tra xác nhận

3. TCVN 14381-1:2025, Máy và thiết bị xây dựng – Máy xoa và hoàn thiện bề mặt bê tông xi măng – Phần 1: Đặc tính kỹ thuật

4. TCVN 14381-2:2025, Máy và thiết bị xây dựng – Máy xoa và hoàn thiện bề mặt bê tông xi măng – Phần 2: Yêu cầu an toàn và kiểm tra xác nhận

Quyết định số 1935/QĐ-BKHCN (28/7/2025):

1. TCVN 14475-1:2025, Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Tích hợp các ứng dụng chẩn đoán, đánh giá năng lực và bảo trì – Phần 1: Tổng quan và yêu cầu chung
2. TCVN 14475-2:2025, Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Tích hợp các ứng dụng chẩn đoán, đánh giá năng lực và bảo trì – Phần 2: Mô tả và định nghĩa các phần tử ma trận miền ứng dụng
3. TCVN 14475-3:2025, Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Tích hợp các ứng dụng chẩn đoán, đánh giá năng lực và bảo trì – Phần 3: Phương pháp mô tả tích hợp ứng dụng
4. TCVN 14476-1:2025, Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 1: Tổng quan
5. TCVN 14476-2:2025, Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 2: Quá trình tham chiếu cho lập kế hoạch sản xuất liền mạch
6. TCVN 14476-3:2025, Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 3: Luồng thông tin trong quá trình lập kế hoạch sản xuất
7. TCVN 14476-4:2025, Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 4: Chỉ số hiệu quả trọng yếu (KPI) trong quá trình lập kế hoạch sản xuất
8. TCVN 14476-5:2025, Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa

cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 5: Quản lý thay đổi sản xuất

Quyết định số 1827/QĐ-BKHCN (18/7/2025):

1. TCVN 14478:2025, Kiểm định cầu đường bộ

Quyết định số 1191/QĐ-BKHCN (5/6/2025):

1. TCVN 11858:2025, Máy lọc không khí – Yêu cầu về tính năng và phương pháp thử

Quyết định số 1401/QĐ-BKHCN (20/6/2025):

1. TCVN 10176-30-1:2025, Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 30-1: Giao thức điều khiển thiết bị điều khiển và quản lý IoT – Tổng quan về kiến trúc điều khiển và quản lý IoT

2. TCVN 10176-30-2:2025, Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 30-2: Giao thức điều khiển thiết bị điều khiển và quản lý IoT – Thiết bị điều khiển và quản lý IoT

Quyết định số 1474/QĐ-BKHCN (26/6/2025):

1. TCVN 14465:2025, Công nghệ thông tin – Trí tuệ nhân tạo – Khung quản lý quá trình phân tích dữ liệu lớn

2. TCVN 14466:2025, Dữ liệu lớn – Khung và yêu cầu trao đổi dữ liệu

3. TCVN 14467:2025, Dữ liệu lớn – Kiến trúc tham chiếu

Quyết định số 1404/QĐ-BKHCN (20/6/2025):

1. TCVN ISO 14097:2025, Quản lý khí nhà kính và các hoạt động liên quan – Khuôn khổ bao gồm các nguyên tắc, yêu cầu để đánh giá, báo cáo các hoạt động đầu tư và tài chính liên quan đến biến đổi khí hậu

2. TCVN ISO 14091:2025, Thích ứng biến đổi khí hậu – Hướng dẫn về tính dễ bị tổn thương, tác động và đánh giá rủi ro

3. TCVN ISO 14093:2025, Cơ chế tài chính cho việc thích ứng với biến đổi khí hậu của địa

phương – Các khoản tài trợ để chống chịu khí hậu dựa trên kết quả hoạt động – Các yêu cầu và hướng dẫn

Quyết định số 2032/QĐ-BKHCN (04/8/2025):

1. TCVN 13813-3:2025, Internet vạn vật (IoT) – Tính liên tác đối với hệ thống IoT – Phần 3: Tính liên tác ngữ nghĩa

2. TCVN 14228-2:2025, Internet vạn vật (IoT) – Nền tảng trao đổi dữ liệu đối với các dịch vụ IoT – Phần 2: Tính liên tác vận chuyển giữa các điểm nút

Quyết định số 2040/QĐ-BKHCN (05/8/2025):

1. TCVN 14481-1:2025, Tính toán đám mây và các nền tảng phân tán – Luồng dữ liệu, loại dữ liệu và sử dụng dữ liệu – Phần 1: Yêu cầu cơ bản

2. TCVN 14482:2025, Công nghệ thông tin – Tính toán đám mây và nền tảng phân tán – Nguyên tắc phân loại cho nền tảng số

3. TCVN 14483:2025, Công nghệ thông tin – Tính toán đám mây – Khung tin cậy để xử lý dữ liệu đa nguồn

4. TCVN 14505:2025, Đô thị và cộng đồng bền vững – Các chỉ số về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị

5. TCVN 14506:2025, Công nghệ thông tin – Chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông cho đô thị thông minh

6. TCVN 14507:2025, Công nghệ thông tin – Kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh – Dữ liệu và dịch vụ

Quyết định số 1732/QĐ-BKHCN (14/7/2025):

1. TCVN 12546:2025, Khí thiên nhiên – Lấy mẫu khí

2. TCVN 9794:2025, Khí thiên nhiên – Phương pháp phân tích bằng sắc ký khí (GC)

3. TCVN 14415:2025, Khí thiên nhiên – Đánh giá hiệu năng của hệ thống phân tích./.

TIÊU CHUẨN – CHÌA KHÓA ĐỂ ĐẠT CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Từ khi được thông qua năm 2015 trong Chương trình Nghị sự 2030, 17 mục tiêu phát triển bền vững đã trở thành kim chỉ nam trong chính sách toàn cầu nhằm giải quyết những thách thức như bất bình đẳng xã hội, phát triển kinh tế không bền vững và biến đổi khí hậu.



Trong bối cảnh đó, tiêu chuẩn và các tổ chức tiêu chuẩn hóa như CEN (Ủy ban Tiêu chuẩn châu Âu) và CENELEC (Ủy ban Tiêu chuẩn Điện – Điện tử châu Âu) đã khẳng định vai trò đòn bẩy không thể thiếu. Những tiêu chuẩn tự nguyện, được thiết lập dựa trên sự đồng thuận quốc tế, thiết lập các quy tắc rõ ràng, phổ biến thực hành tốt nhất, đồng thời đảm bảo an toàn, hiệu quả năng lượng và bảo vệ môi trường.

Bình đẳng giới (SDG 5): Tổ chức CEN và CENELEC đã ký Tuyên bố của UNECE về tiêu chuẩn có trách nhiệm về giới từ năm 2019, cam kết áp dụng cách tiếp cận có nhận thức về giới trong công tác tiêu chuẩn hóa, đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm.

Nước sạch và vệ sinh (SDG 6): Hai tổ chức kỹ thuật của CEN/CENELEC, gồm TC 230 (Phân

tích nước) và TC 164 (Cấp nước), đang hoạt động để đảm bảo nguồn nước an toàn. Đặc biệt, TC 164 đã phát triển bộ tiêu chuẩn EN 15975 nhằm đảm bảo an toàn trong nguồn cung cấp nước.

Năng lượng sạch, giá cả phải chăng (SDG 7): Một trong những mục tiêu chính là tăng gấp

đôi tốc độ cải thiện hiệu suất năng lượng toàn cầu vào năm 2030. Nhiều tiêu chuẩn liên quan tới quản lý năng lượng, kiểm soát phát thải, đo lường hiệu suất năng lượng sản phẩm đã được CEN/CENELEC xây dựng. Trong lĩnh vực sinh thái và dán nhãn năng lượng, hơn hai chục ủy ban kỹ thuật đang phối hợp để

xây dựng các tiêu chuẩn phù hợp.

Tiêu dùng và sản xuất bền vững (SDG 12): Ngành dệt may, vốn sử dụng nhiều tài nguyên, đang là trọng tâm trong kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn của EU. CEN đã triển khai nhóm làm việc xây dựng quy tắc chung về tính tuần hoàn, chống greenwashing, và đưa ra các yêu cầu và danh mục áp dụng chung trong chuỗi sản xuất dệt may.

Hành động vì khí hậu (SDG 13): CEN/CENELEC không chỉ tập trung vào giảm thiểu khí thải mà còn thúc đẩy các chuẩn mực để thích ứng với biến đổi khí hậu. Một ví dụ là thành lập Ủy ban Kỹ thuật CEN/TC 467 để xây dựng các tiêu chuẩn liên quan tới biến đổi khí hậu, cả từ góc độ tác động xã hội và kinh tế.

CEN và CENELEC cam kết hỗ trợ các mục tiêu của Liên minh châu Âu thông qua sáng kiến

như Thỏa thuận Xanh của EU, Kế hoạch Hành động Kinh tế Tuần hoàn và Chiến lược Công nghiệp mới cho châu Âu. Những tiêu chuẩn do hai tổ chức này xây dựng không chỉ góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ mà còn mở rộng thương mại quốc tế, mang lại lợi ích cho toàn xã hội - từ người tiêu dùng, doanh nghiệp cho đến chính phủ.

Chiến lược tiêu chuẩn hóa châu Âu giai đoạn tới lấy phát triển bền vững làm trọng tâm và tái khẳng định tiêu chuẩn quốc tế là “đòn bẩy cho phát triển bền vững”. Việc thực hiện chiến lược này trùng với giai đoạn thực hiện Chương trình Nghị sự 2030, mở rộng cơ hội để đưa các mục tiêu SDGs vào thực tiễn./.

0

MINH BẠCH CHUỖI QUY TRÌNH SẢN XUẤT PHỤ GIA VỚI TIÊU CHUẨN ASTM F3774

Ủy ban Công nghệ Sản xuất Phụ gia (AM) của ASTM International vừa chính thức công bố tiêu chuẩn mới mang mã F3774, hướng tới chuẩn hóa và minh bạch hóa toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất phụ gia. Đây được coi là bước tiến quan trọng giúp tạo ra ngôn ngữ chung trong ngành công nghiệp đang phát triển mạnh mẽ này.



Chuẩn hóa quy trình và chuỗi thông tin kỹ thuật số

Theo ông Paul W. Witherell, kỹ sư cơ khí thuộc Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Hoa Kỳ (NIST), tiêu chuẩn F3774 sẽ trở thành tài liệu tham chiếu then chốt cho các bên tham gia chuỗi cung ứng AM. Tiêu chuẩn giúp xác định rõ các thông tin kỹ thuật cần có ở từng giai đoạn - từ thiết kế, sản xuất đến kiểm tra và giao nhận linh kiện.

Điểm nổi bật của F3774 là tính mô-đun, nghĩa là người dùng có thể áp dụng từng phần

tùy theo bối cảnh cụ thể, thay vì buộc phải tuân thủ toàn bộ. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể linh hoạt triển khai theo quy mô, năng lực và yêu cầu riêng, vừa đảm bảo tính nhất quán, vừa tiết kiệm chi phí.

Lợi ích đối với ngành công nghiệp toàn cầu

Sự ra đời của F3774 được kỳ vọng sẽ giải quyết tình trạng thiếu đồng bộ trong sản xuất AM. Tiêu chuẩn cung cấp nền tảng để các nhà sản xuất, đơn vị kiểm định, khách hàng và cơ quan quản lý cùng tham chiếu chung, từ đó giảm thiểu rủi ro kỹ thuật, nâng cao độ tin cậy và đảm bảo chất lượng linh kiện.

Việc xây dựng “chuỗi thông tin kỹ thuật số” còn có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh sản xuất toàn cầu hóa: linh kiện có thể được thiết kế ở một quốc gia, sản xuất ở quốc gia khác và ứng dụng ở nơi thứ ba. F3774 sẽ giúp quá trình trao đổi dữ liệu diễn ra minh bạch, giảm thiểu sai sót và rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường.

Song song với F3774, ASTM cũng đang phát triển tiêu chuẩn WK72932 liên quan đến phân tích kính trong lĩnh vực pháp y, nhằm hỗ trợ điều tra và xác định nguồn gốc vật liệu. Điều này cho thấy ASTM tiếp tục mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình trong nhiều lĩnh vực công nghệ cao.

Ý nghĩa với doanh nghiệp Việt Nam

Với các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là những đơn vị bước vào lĩnh vực sản xuất phụ gia, sự xuất hiện của F3774 mở ra cơ hội lớn để

hội nhập và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Về lợi ích: Khi áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, sản phẩm AM của Việt Nam có thể đáp ứng tốt hơn yêu cầu kỹ thuật khắt khe từ các đối tác nước ngoài, tăng cơ hội xuất khẩu và hợp tác. Tiêu chuẩn cũng giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa rút ngắn thời gian thử nghiệm, tránh đầu tư dàn trải và tăng tính cạnh tranh.

Về thách thức: Thực tế, nhiều doanh nghiệp trong nước vẫn gặp khó khăn về vốn, công nghệ và nguồn nhân lực có chuyên môn sâu trong sản xuất phụ gia. Việc tiếp cận và áp

dụng tiêu chuẩn F3774 đòi hỏi không chỉ chi phí đào tạo, chuyển giao công nghệ mà còn sự đồng bộ trong quản trị dữ liệu kỹ thuật số.

Về giải pháp: Cần sự hỗ trợ từ phía Nhà nước trong việc khuyến khích doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời thúc đẩy hợp tác với các tổ chức quốc tế như ASTM để tiếp cận tài liệu, đào tạo và chuyên gia. Ngoài ra, việc hình thành các trung tâm nghiên cứu - thử nghiệm quốc gia về AM cũng sẽ giúp doanh nghiệp giảm gánh nặng tự đầu tư ban đầu./.

0

CHUẨN HÓA CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VỚI ISO 16521:2024

Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) vừa công bố tiêu chuẩn ISO 16521:2024 dành cho cấu kiện ống thép nhồi bê tông (Concrete-Filled Steel Tube - CFST). Đây được coi là bước tiến lớn trong nỗ lực hướng tới xây dựng bền vững, hiệu suất cao, đồng thời mở ra cơ hội mới cho nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

CFST vốn là dạng kết cấu lai giữa thép và bê tông, trong đó ống thép làm vỏ bọc giúp nén ba trục cho phần bê tông bên trong. Nhờ cấu trúc này, CFST có khả năng chịu lực vượt trội, tính dẻo dai cao, chống biến dạng và hấp thụ tốt hơn các tác động của động đất. Ngoài ra, phương pháp này còn rút ngắn thời gian thi công, tiết kiệm vật liệu cốt pha, giảm chi phí

bảo trì và góp phần hạn chế phát thải ra môi trường.

ISO 16521:2024 ra đời nhằm hệ thống hóa và chuẩn hóa các yêu cầu liên quan đến thiết kế, thi công, kiểm tra và bảo trì loại cấu kiện này. Tài liệu mới đưa ra các nguyên tắc kỹ thuật cụ thể trong tính toán chịu lực, điều kiện sử dụng, khả năng chống chấn, đồng thời quy định rõ yêu cầu vật liệu đối với thép và bê tông. Đặc biệt, tiêu chuẩn cũng nhấn mạnh việc kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công, như độ đặc chắc của bê tông, độ liền mạch giữa các bộ phận hay khả năng làm việc dưới tải trọng thực tế. Một phần quan trọng khác của tiêu chuẩn là hướng dẫn bảo trì, nhằm kéo dài tuổi thọ cấu kiện trong điều kiện môi trường khắc nghiệt hoặc dễ bị ăn mòn.

Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và áp lực phát triển bền vững ngày càng lớn, ISO 16521:2024 có ý nghĩa như một công cụ toàn cầu giúp các quốc gia áp dụng CFST một cách chuẩn mực và an toàn. Nhờ đó, việc thiết kế và xây dựng sẽ được đồng bộ hóa, tạo thuận lợi cho hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn còn khuyến khích đổi mới công



nghe và vật liệu, giảm chi phí dài hạn và nâng cao độ tin cậy cho các công trình hạ tầng trọng điểm.

Tuy nhiên, việc áp dụng rộng rãi CFST cũng đặt ra không ít thách thức. Chi phí đầu tư ban đầu cho vật liệu và gia công ống thép chất lượng cao vẫn còn lớn, nhất là ở những nước đang phát triển. Nguy cơ ăn mòn trong môi trường khắc nghiệt đòi hỏi phải có giải pháp bảo vệ thích hợp, nếu không tuổi thọ công trình có thể bị rút ngắn.

Với Việt Nam, ISO 16521:2024 mở ra cơ hội nâng cao chất lượng công trình, nhất là các dự án cao tầng, cầu vượt hoặc những công trình ở khu vực chịu ảnh hưởng động đất. Áp dụng tiêu chuẩn này sẽ giúp ngành xây dựng

tạo ra những công trình có hiệu suất cao, tuổi thọ dài, chi phí bảo trì thấp hơn, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh khi tham gia vào các dự án quốc tế. Song để tận dụng hiệu quả, doanh nghiệp trong nước cần đầu tư vào công nghệ gia công, thiết bị kiểm tra chất lượng và vật liệu chống ăn mòn.

Có thể nói, ISO 16521:2024 không chỉ là chuẩn mực kỹ thuật mới mà còn là kim chỉ nam cho ngành xây dựng trong hành trình hướng tới bền vững. Nếu biết tận dụng, Việt Nam hoàn toàn có thể biến thách thức thành cơ hội, từng bước khẳng định vị trí trong bản đồ xây dựng khu vực và thế giới./.

0

HOẠT ĐỘNG TIÊU CHUẨN THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế số hóa lan tỏa mạnh mẽ, tiêu chuẩn đã và đang trở thành nền tảng quan trọng thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.



Hiện, tiêu chuẩn được xác định là một trong những nền tảng quan trọng thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Việt Nam. Tính đến nay, Việt Nam đã công bố 14.237 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), trong đó trên 70% hài hòa với tiêu

chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và nước ngoài.

Việc chủ động tham gia và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quốc tế không chỉ giúp doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, mà còn thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc thúc đẩy quan hệ đối tác toàn cầu, đồng hành cùng cộng đồng quốc tế thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng từng nhấn mạnh: “Tiêu chuẩn là công cụ quan trọng, động lực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ngược lại, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng sẽ giúp phát triển tiêu chuẩn hóa”.

Điển hình như trong lĩnh vực thanh toán điện tử, Ngân hàng Nhà nước đã ký Quyết định số 2525/QĐ-NHNN ban hành Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) Đặc tả kỹ thuật QR Code hiển thị từ phía khách hàng tại Việt Nam. Việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở về QR Code thống nhất toàn quốc

đã giúp các ngân hàng, ví điện tử và doanh nghiệp kết nối dễ dàng, tạo nên hệ sinh thái thanh toán không tiền mặt phát triển mạnh mẽ.

Nhờ đó, đến cuối năm 2024, tổng thanh toán không tiền mặt đạt 17,7 tỷ giao dịch với giá trị 295,2 triệu tỷ đồng, gấp 26 lần GDP của Việt Nam. Còn trong 5 tháng đầu năm 2025, tiếp tục có những bước tiến mới, tổng giao dịch tăng 45,44% về số lượng và 25,21% về giá trị so với cùng kỳ 2024. Đây là những con số cực kỳ ấn tượng.

Hay trong bối cảnh chuyển đổi số kèm theo đó là nguy cơ gia tăng tấn công mạng, Việt Nam đã ban hành Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14423:2025 về an ninh mạng nhằm tăng cường chắc chắn hàng rào bảo vệ cho các hệ thống chứa dữ liệu trọng yếu. An ninh mạng đã trở thành một trụ cột chiến lược, giữ vai trò thiết

yếu trong bảo đảm phát triển bền vững, ổn định của đất nước, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng và quyền lợi hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân.

Trong Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 cũng nêu rõ: “Xây dựng kịp thời tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở đối với các công nghệ, sản phẩm mới, sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm chủ lực đáp ứng yêu cầu của thị trường; bảo đảm phát triển tài sản trí tuệ và tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa là công cụ hữu hiệu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới”. Điều này thêm một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của tiêu chuẩn trong tiến trình số hóa của đất nước./

0

CHỨNG NHẬN HỮU CƠ KHẮNG ĐỊNH GIÁ TRỊ NÔNG SẢN SẠCH

Trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng thực phẩm an toàn ngày càng gia tăng, chứng nhận hữu cơ đóng vai trò quan trọng giúp nông sản khẳng định uy tín và chinh phục những thị trường khó tính.



Sản xuất hữu cơ đã và đang trở thành xu hướng tất yếu của nông nghiệp thế giới. Không đứng ngoài cuộc, ngành nông nghiệp Việt Nam đã từng bước đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hữu cơ, coi đây là hướng đi bền vững góp phần giải quyết những vấn đề còn tồn tại như tiêu chuẩn chất lượng, quy trình sản xuất... tiến tới

đưa nông sản nước ta chiếm lĩnh những thị trường lớn, giàu tiềm năng.

Theo đó, chứng nhận hữu cơ là hoạt động đánh giá, phân tích, kiểm chứng độ sạch và an toàn của sản phẩm sao cho phù hợp với các tiêu chuẩn hữu cơ của quốc gia hay thế giới. Một sản phẩm chỉ được gắn nhãn hữu cơ khi tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, từ khâu gieo trồng, chăm sóc đến chế biến và bảo quản. Điều này giúp người tiêu dùng yên tâm hơn về chất lượng, hạn chế nguy cơ tồn dư hóa chất, đồng thời khuyến khích xu hướng tiêu dùng bền vững.

Giá trị nông sản hữu cơ cũng vượt trội so với giá bán thông thường. Đơn cử như các mặt hàng quế, hồi, điều nhân, hồ tiêu hay cơm dừa, giá bán dòng sản phẩm hữu cơ đạt tiêu chuẩn chứng nhận Organic EU và Organic USDA cao hơn từ 10% đến 25%, thậm chí cao hơn nữa so với sản phẩm thông thường cùng loại.

Không những thế, nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng hữu cơ tại nhiều thị trường, như: châu Âu, Hoa Kỳ ngày một gia tăng, do thay đổi thói quen ăn uống, người tiêu dùng có xu thế ăn

các sản phẩm sạch có nguồn gốc tự nhiên, các thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật để thay thế thịt và các sản phẩm sản xuất thông thường.

Việc đạt chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn của các nước phát triển mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đi kèm với không ít thách thức. Một trong những rào cản lớn nhất là chi phí cao. Quá trình chuyển đổi đất canh tác, cải tiến quy trình sản xuất và đáp ứng các yêu cầu kiểm định đòi hỏi nguồn lực tài chính đáng kể.

Ngoài ra, thời gian chứng nhận kéo dài, thường từ hai đến ba năm, cũng là một trở ngại đối với doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quy trình kiểm định và giám sát định kỳ yêu cầu doanh nghiệp phải duy trì chất lượng ổn định, tránh rủi ro bị thu

hồi chứng nhận. Rõ ràng, để đứng vững và phát triển bền vững, việc vượt qua các rào cản, thách thức là yêu cầu quan trọng khẳng định bản lĩnh của doanh nghiệp.

Tại Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 nêu rõ mục tiêu tổng quát rằng: “Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của khu vực và thế giới, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có trình độ sản xuất nông nghiệp hữu cơ ngang bằng với các nước tiên tiến trên thế giới”./.

0

TĂNG CƯỜNG AN TOÀN CHO SẢN PHẨM TIÊU DÙNG TÍCH HỢP AI

ASTM International vừa sửa đổi tiêu chuẩn F3463 nhằm tăng cường bảo đảm an toàn cho các sản phẩm tiêu dùng kết nối có tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI). Tiêu chuẩn này thuộc quyền quản lý của Ủy ban Sản phẩm Tiêu dùng (F15).



Theo đó, trước khi đưa sản phẩm tích hợp AI ra thị trường, nhà sản xuất phải thực hiện đánh giá an toàn toàn diện - bao gồm cả phần cứng lẫn phần mềm, tính bảo mật, các tình huống sử dụng, nguy cơ bị hiểu sai bởi người

dùng. Tiêu chuẩn mới đưa ra các yêu cầu thiết kế an toàn, đánh giá rủi ro, thử nghiệm phần mềm, và thu thập dữ liệu về các sự cố khi sản phẩm hoạt động trong điều kiện thực tế.

Ông Travis Norton - người phụ trách Chiến lược Nội dung và Đổi mới Tuân thủ tại ASTM cho biết, phiên bản trước của F3463 chưa đề cập cụ thể đến các rủi ro đặc thù do AI mang lại. Những nguy cơ mới được nhận diện là lỗi hệ thống, thiếu biện pháp bảo vệ, sai sót hiểu biết của người dùng, đặc biệt là nguy cơ bị tấn công qua mạng.

Tiêu chuẩn mới nhằm giúp ngành công nghiệp “bắt kịp” với tốc độ phát triển và sự phổ biến ngày càng lớn của các thiết bị thông minh có khả năng tự học, tự điều khiển hoặc có các thành phần AI. Nhà sản xuất, nhập khẩu, phân phối các sản phẩm tiêu dùng có kết nối AI sẽ cần áp dụng F3463 để đánh giá rủi ro, đảm bảo thiết kế an toàn, kiểm tra phần mềm và giám sát sự cố sau khi sản phẩm được đưa ra thị trường.

Cơ quan quản lý khi chưa có luật hoặc quy định chuyên biệt cho sản phẩm AI, có thể khuyến nghị áp dụng tiêu chuẩn này như một tham chiếu để đánh giá an toàn và cũng là căn cứ trong điều tra nếu xảy ra tai nạn hoặc vi phạm an toàn.

Việc cập nhật F3463 thể hiện nỗ lực của ASTM nhằm thích ứng với những thách thức mới trong công nghệ, đặc biệt khi AI không chỉ là tính năng bổ sung mà đang tích hợp ngày

càng sâu vào sản phẩm tiêu dùng: từ nhà thông minh, robot tự động, đến các thiết bị gia dụng kết nối internet. Quy trình đánh giá an toàn liên tục, phối hợp đa ngành (bao gồm thiết kế, kỹ thuật phần mềm, bảo mật thông tin, trải nghiệm người dùng...) sẽ là yếu tố quyết định để sản phẩm AI không chỉ “thông minh” mà còn an toàn khi tiếp cận./.

0

KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG TRONG ĐỜI SỐNG

Hoạt động đo lường ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội. Không chỉ là công cụ kỹ thuật nhằm xác định chính xác đại lượng vật lý, hóa học, sinh học..., đo lường còn là nền tảng bảo đảm sự công bằng thương mại, nâng cao năng suất và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.



Theo đó, đo lường được ứng dụng trong hầu hết các lĩnh vực, từ sản xuất công nghiệp, thương mại, y tế, môi trường cho đến an ninh quốc phòng... Ví dụ, trong y tế, việc chẩn đoán và điều trị bệnh phụ thuộc lớn vào độ chính xác của các thiết bị đo. Trong thương mại, đo lường

minh bạch giúp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và doanh nghiệp, hạn chế gian lận.

Những năm gần đây, Việt Nam đã chú trọng hiện đại hóa hạ tầng đo lường quốc gia, đầu tư phòng thí nghiệm chuẩn, tham gia nhiều thỏa thuận quốc tế về công nhận kết quả đo. Điều này không chỉ góp phần giảm rào cản kỹ thuật trong thương mại, mà còn tạo điều kiện

để hàng hóa Việt Nam dễ dàng tiếp cận thị trường toàn cầu.

Mặt khác, hoạt động đo lường còn là nền tảng cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. Các lĩnh vực công nghệ cao như bán dẫn, năng lượng tái tạo, dược phẩm, nông nghiệp công nghệ cao đều đòi hỏi hệ thống đo lường tiên tiến, độ chính xác cao. Không có đo lường, các công nghệ mới sẽ khó kiểm chứng, khó thương mại hóa và khó hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Nhìn chung, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang

chuyển mình mạnh mẽ theo hướng số hóa và xanh hóa, việc đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng đo lường không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà còn là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia./.

0

MINH BẠCH THÔNG TIN DINH DƯỠNG THEO TCVN 14429:2025

Trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm tới chế độ dinh dưỡng và sức khỏe, việc các doanh nghiệp thực phẩm cung cấp thông tin chính xác, minh bạch trên nhãn mác trở thành yêu cầu bắt buộc. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14429:2025 ra đời nhằm hướng dẫn sử dụng công bố dinh dưỡng và công bố khuyến cáo về sức khỏe, giúp bảo vệ người tiêu dùng đồng thời tạo sân chơi công bằng cho doanh nghiệp.

Những khảo sát gần đây của cơ quan quản lý cho thấy tỉ lệ người mua sắm đọc kỹ bảng thành phần dinh dưỡng trước khi quyết định mua tăng rõ rệt; đặc biệt với nhóm thực phẩm chức năng, sản phẩm ăn liền, đồ uống có đường hay sản phẩm dành cho trẻ em, người cao tuổi.

Trên thị trường liên tục ghi nhận tình trạng một số sản phẩm quảng bá quá mức về “giảm cân”, “bổ sung vi chất” hoặc “tốt cho tim mạch” mà không có cơ sở khoa học, khiến người tiêu dùng dễ bị hiểu nhầm. Chính vì vậy, các tiêu chuẩn như TCVN 14429:2025 đóng vai trò “bộ lọc” thông tin, buộc doanh nghiệp phải công bố đúng sự thật, sử dụng thuật ngữ chuẩn

mục, số liệu có kiểm chứng và minh bạch nguồn gốc. Khi nhãn mác, thông tin dinh dưỡng rõ ràng, người tiêu dùng có thể so sánh, lựa chọn sản phẩm phù hợp nhu cầu, đồng thời giúp doanh nghiệp xây dựng uy tín, đáp ứng yêu cầu khắt khe của hệ thống phân phối hiện đại, các kênh xuất khẩu và các thị trường quốc tế.

Tiêu chuẩn TCVN 14429:2025 hướng dẫn sử dụng công bố dinh dưỡng và công bố khuyến cáo về sức khỏe đặt ra khuôn khổ rõ ràng cho doanh nghiệp khi muốn ghi nhãn, quảng cáo hoặc công bố các tuyên bố liên quan tới dinh dưỡng và lợi ích sức khỏe của sản phẩm tại thị trường Việt Nam. Văn bản này bổ sung và cụ thể hóa các nguyên tắc quốc tế và liên kết chặt chẽ với các văn bản hiện hành của Bộ Y tế về ghi nhãn, nội dung dinh dưỡng và công bố sản phẩm, vì vậy doanh nghiệp cần đổi chiều đầy đủ khi triển khai.

Nội dung tiêu chuẩn phân định phạm vi áp dụng cho mọi loại thực phẩm mà doanh nghiệp muốn sử dụng công bố dinh dưỡng hoặc công bố khuyến cáo về sức khỏe liên quan đến chức năng sinh lý hay giảm nguy cơ bệnh tật. Tiêu chuẩn nhấn mạnh không được dùng các công bố này cho thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh, trừ khi có quy định đặc thù; đồng thời quy định rõ thuật ngữ và định nghĩa để tránh hiểu sai, giúp quản lý thống nhất giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn cũng định nghĩa rõ trách nhiệm doanh nghiệp trong giám sát hậu mãi phải lưu hồ sơ, theo dõi phản hồi người tiêu dùng, sẵn sàng



cung cấp tài liệu chứng minh khi cơ quan quản lý yêu cầu và kịp thời điều chỉnh, thu hồi công bố nếu có bằng chứng mới.

Về mặt thực thi, doanh nghiệp cần đồng bộ TCVN 14429:2025 với các quy định khác như Thông tư 29/2023/TT-BYT hướng dẫn ghi thành phần dinh dưỡng trên nhãn, Thông tư liên quan đến thực phẩm chức năng và Nghị

định, Thông tư về quảng cáo sản phẩm thực phẩm trên mạng. Việc này đảm bảo một báo cáo phân tích dinh dưỡng được công nhận, lời tuyên bố tương ứng chỉ sử dụng khi tiêu chí về hàm lượng/điều kiện được đáp ứng, và thông tin chuyên tải tới người tiêu dùng là thống nhất./.

0

TCVN 14468:2025 – BƯỚC ĐỘT PHÁ CHO TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG KINH TẾ TUẦN HOÀN SẢN PHẨM

Việc ban hành TCVN 14468:2025 về tính bền vững để đo lường và báo cáo các khía cạnh kinh tế tuần hoàn của sản phẩm được xem là bước ngoặt trong quản lý vòng đời sản phẩm tại Việt Nam.

Tiếp nối các chính sách và nghiên cứu trước đây về quản lý chất thải, phát triển xanh hay các chỉ tiêu bền vững, Việt Nam trước nay vẫn thiếu một chuẩn cụ thể để đo lường mức độ “tuần hoàn” của sản phẩm cũng như cách tổ chức báo cáo. Trong bối cảnh đó, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14468:2025 về tính bền vững để đo lường và báo cáo các khía cạnh kinh tế tuần hoàn của sản phẩm ra đời như một công cụ quan trọng, lấp đầy khoảng trống về khung đánh giá. Tiêu chuẩn này cung cấp bộ chỉ số và phương pháp thống nhất để doanh nghiệp đánh giá mức độ tuần hoàn của sản phẩm, địa

điểm thực hiện và tổ chức, từ đó chứng minh sự phù hợp với các yêu cầu môi trường.

Khi áp dụng TCVN 14468:2025, doanh nghiệp có được khung minh bạch để chứng minh với khách hàng, cơ quan quản lý và đối tác quốc tế rằng sản phẩm thực sự thân thiện môi trường thay vì “tô xanh” hình ảnh. Đồng thời, tiêu chuẩn này cũng là công cụ quản trị giúp doanh nghiệp tự đánh giá, cải thiện quy trình sản xuất, giảm lãng phí nguyên liệu và năng lượng. Việc tuân thủ còn mang lại lợi thế cạnh tranh, đặc biệt khi nhiều thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản yêu cầu sản phẩm xuất khẩu phải có chứng nhận về kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải carbon; bên cạnh đó, doanh nghiệp còn có cơ hội hưởng ưu đãi trong nước như được ưu tiên trong mua sắm công hoặc tiếp cận quỹ phát triển bền vững.

Không chỉ áp dụng cho sản phẩm cụ thể, TCVN 14468:2025 còn áp dụng cho địa điểm thực hiện (nhà máy, xưởng, cơ sở sản xuất) và cho tổ chức (doanh nghiệp, tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ).

Sự ra đời của TCVN 14468:2025 đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hiện thực hóa kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Khi doanh nghiệp, tổ chức thực thi nghiêm túc, đây sẽ là đòn bẩy giúp Việt Nam đạt các mục tiêu phát triển bền vững và cam kết quốc tế về môi./.

0



Một mô hình Kinh tế tuần hoàn

LẤY Ý KIẾN, HOÀN THIỆN QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA CHO SẢN PHẨM SỮA DẠNG LỎNG

Bộ Công Thương vừa tổ chức hội thảo lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp "Góp ý dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với sản phẩm sữa dạng lỏng".



Đây là hoạt động nhằm xây dựng QCVN đối với sản phẩm sữa dạng lỏng nhằm vừa đảm bảo hài hòa với các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, phù hợp với tiến bộ khoa học công nghệ cũng như trình độ phát triển, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, vừa đáp ứng xu hướng tiêu dùng đòi hỏi chất lượng ngày càng cao của thị trường.

Hội thảo tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm sữa khu vực phía Nam, đối tượng chịu tác động trực tiếp của Quy chuẩn được tham gia ý kiến nhằm sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với sản phẩm sữa. Mục tiêu của việc xây dựng QCVN đối với sản phẩm sữa dạng lỏng nhằm vừa đảm bảo hài hòa với các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, phù hợp với tiến bộ khoa học công nghệ cũng như trình độ phát

triển, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, vừa đáp ứng xu hướng tiêu dùng đòi hỏi chất lượng ngày càng cao của thị trường.

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, các Nghị định

hướng dẫn Luật, căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực công nghiệp thực phẩm và tại các hội thảo trước, với sự tham gia tích cực của đại diện Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các hiệp hội ngành hàng, đơn vị kiểm nghiệm, doanh nghiệp sữa và chuyên gia khoa học; nhiều nội dung quan trọng đã được thống nhất, như: sự cần thiết phải sửa đổi QCVN 5-1:2010/BYT; bổ sung khái niệm “sữa hoàn nguyên”, “sữa hỗn hợp”; quy định tỷ lệ tối thiểu 90% sữa tươi nguyên liệu trong các sản phẩm sữa tươi thanh

trùng/tiệt trùng và sữa tươi tách béo; cùng với đó là yêu cầu bổ sung nội dung về truy xuất nguồn gốc trong quy chuẩn.

Theo Thứ trưởng Trương Thanh Hoài, Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến đóng góp tại các hội thảo trước và hoàn thiện dự thảo quy chuẩn. Hội thảo tiếp tục là bước quan trọng để lấy ý kiến rộng rãi từ các bên liên quan trước khi trình ban hành. Các nhóm sản phẩm sữa chế biến khác như sữa bột, sữa lên men, sữa chua, phô mai... sẽ được xây dựng quy chuẩn riêng theo lộ trình.

Các nội dung thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận, bao gồm:

Thứ nhất, về phạm vi áp dụng, đề xuất sử dụng cụm từ “thực phẩm chức năng” thay vì “thực phẩm bảo vệ sức khỏe”, nhằm đảm bảo bao quát và phù hợp thực tiễn

Thứ hai, thống nhất việc ghi nhãn các sản phẩm sữa dạng lỏng: sữa hoàn nguyên, sữa hỗn hợp, sữa tách béo, sữa gầy, sữa pha trộn... nhằm đưa ra đúng bản chất của sản phẩm

Thứ ba, điều chỉnh quy định chuyển tiếp, ngưỡng giới hạn Melamin trong QCVN sữa dạng lỏng.

Thứ tư, bổ sung quy định về nội dung truy xuất nguồn gốc tại QCVN sữa dạng lỏng.

Theo đó, quy chuẩn mới sẽ được xây dựng theo nguyên tắc minh bạch, công khai, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người tiêu dùng, doanh nghiệp và xã hội; đồng thời tham chiếu tiêu chuẩn Codex quốc tế, các quy định của khu vực và quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam./.

0

SỚM BAN HÀNH QCVN, TCVN VỀ TRẠM SẠC XE ĐIỆN LẮP ĐẶT CÔNG CỘNG

Chính phủ cầu Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng, cơ quan liên quan ban hành quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các trạm sạc xe điện lắp đặt tại nơi công cộng, nơi trông giữ xe tập trung, trạm dừng nghỉ...

Theo đó, lưu ý cần đánh giá chính xác thực trạng ô nhiễm môi trường không khí với các chỉ số AQI về PM2.5, SO2, CO, NO2... trung bình theo hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm để đặt ra chỉ số mục tiêu cần đạt được cho 05 năm và lộ trình phải giảm và đạt được cho hàng năm.

Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường quốc gia theo hướng đồng bộ, tự động, hiện đại, theo Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia, hoàn thành trong Quý III năm 2026. Lưu ý kết hợp trí tuệ nhân tạo AI để theo dõi và cung cấp dữ liệu liên tục về chất lượng không khí cho người dân, các nhà nghiên cứu và Bộ Y tế.

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu Bộ Y tế chủ trì các chương trình nghiên cứu cấp quốc gia về mối quan hệ và tác động của ô nhiễm môi trường không khí đến sức khỏe cộng đồng. Định kỳ thu thập, phân tích và công bố các số liệu về bệnh lý liên quan đến ô nhiễm môi trường; phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tiếp nhận, sử dụng dữ liệu quan trắc môi trường, tích hợp với dữ liệu khám chữa bệnh để xây dựng hệ thống cảnh báo sớm các tác động của ô nhiễm không khí đến sức khỏe.

Bộ Xây dựng rà soát, ban hành các quy định, quy chuẩn/tiêu chuẩn về quy hoạch đô thị phải tích hợp hạ tầng cho giao thông xanh, bao gồm cả hệ thống trạm sạc điện, hạ tầng cần thiết cho các trạm



sạc pin thay thế, hoàn thành trong Quý IV năm 2025; chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và cơ quan liên quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với chung cư (chung cư hiện hữu, chung cư sắp xây mới) có lắp đặt trạm/trụ sạc xe điện. Hoàn thành trước ngày 15 tháng 10 năm 2025.

Bộ Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng, trình Chính phủ lộ trình phát triển hệ thống giao thông công cộng đồng bộ, hiện đại (tàu điện ngầm, tàu điện trên cao, xe buýt năng lượng sạch...); đề xuất cơ chế, chính sách đột phá để thu hút đầu tư tư nhân, hỗ trợ người dân sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, giao thông xanh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2025.

Đồng thời, Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Xây dựng tăng cường thanh tra, kiểm tra và chỉ đạo các địa phương xử lý nghiêm các chủ đầu tư, nhà thầu vi phạm quy định về bảo vệ môi trường tại các công trường xây dựng; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi quy định về kiểm định khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

theo hướng siết chặt quản lý đối với các phương tiện cũ, không đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, hoàn thành trong Quý IV năm 2025. Các cơ sở kiểm định nghiên cứu, cung cấp bộ nhận diện đối với các phương tiện đáp ứng yêu cầu.

Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách về thuế, phí, chính sách hỗ trợ để khuyến khích phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, hỗ trợ tài chính để người dân chuyển đổi sang phương tiện xanh và sử dụng giao thông công cộng, hoàn thành trong Quý IV năm 2025.

Đặc biệt, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cần tập trung xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động chi tiết, toàn diện, có lộ trình cụ thể, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi phê duyệt; công bố sớm, công khai lộ trình chuyển đổi sang phương tiện giao thông xanh, kèm theo các chính sách hỗ trợ cụ thể, khả thi để người dân và doanh nghiệp đồng thuận, thực hiện.../.

0

ISO 22002-2:2025 THỨC ĐẨY ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM DỊCH VỤ ĂN UỐNG

Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) đã chính thức công bố ISO 22002-2:2025, phiên bản quốc tế đầu tiên thay thế tiêu chuẩn ISO/TS 22002-2:2013.

Xe bán thức ăn lưu động

Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu về việc thiết lập, triển khai và duy trì các Chương trình tiên quyết (PRPs) trong lĩnh vực dịch vụ ăn uống, bao gồm nhà hàng, khách sạn, căng tin, xe bán thức ăn lưu động, máy bán hàng tự động, cơ sở, nơi làm việc, dịch vụ hành khách trên tàu, nơi diễn ra các hoạt động thực phẩm tiếp xúc trực tiếp (nấu, trộn, xay, chế biến, hâm

nóng) và nhiều loại hình dịch vụ phục vụ thực phẩm khác. ISO 22002-2:2025 được áp dụng kết hợp với ISO 22002-100:2025, nhằm nâng cao tính nhất quán, minh bạch và chất lượng vận hành trong toàn bộ lĩnh vực dịch vụ ăn uống.

Đối tượng áp dụng của tiêu chuẩn là các tổ chức cung cấp dịch vụ ăn uống trực tiếp cho người tiêu dùng, tại chỗ hoặc mang đi, chẳng hạn như nhà hàng, khách sạn, căng tin trường học, bệnh viện, dịch vụ hàng không và đường sắt. Các hoạt động trong phạm vi điều chỉnh của tiêu chuẩn bao gồm chế biến, phục vụ, chia

phần, hâm nóng tại chỗ... Tuy nhiên, tiêu chuẩn này không áp dụng đối với các bếp chế biến trung tâm.



Một điểm quan trọng của ISO 22002-2:2025 là đã quy định cụ thể cho ngành dịch vụ

ăn uống, bên cạnh những chương trình tiên quyết chung được nêu tại ISO 22002-100:2025. Các yêu cầu này bao gồm kiểm soát thiết kế và bố trí khu vực chế biến, phục vụ; quản lý và bảo trì thiết bị; bảo đảm vệ sinh cá nhân; duy trì vệ sinh thực phẩm và phòng ngừa dị vật; kiểm soát nguyên liệu, nguồn nước và chất thải; áp dụng biện pháp phòng chống sinh vật gây hại; đồng thời thiết lập quy trình thu hồi sản phẩm khi cần thiết.

Việc áp dụng ISO 22002-2:2025 sẽ góp phần quan trọng trong việc chuẩn hóa các điều kiện an toàn thực phẩm của lĩnh vực dịch vụ ăn uống, từ đó tăng cường niềm tin của người tiêu dùng, hỗ trợ kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả quản lý theo chuẩn mực quốc tế./.

0

ĐỒNG NAI TRIỂN KHAI SƠ TUYỂN GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA NĂM 2025

Tỉnh Đồng Nai vừa tổ chức họp Hội đồng sơ tuyển Giải thưởng Chất lượng quốc gia năm 2025 (GTCLQG). Đây là phiên thứ 2 nhằm rà soát kết quả triển khai hoạt động phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia giải thưởng năm 2025 và đồng thời đánh giá hồ sơ tham gia của các doanh nghiệp.

Theo đánh giá, GTCLQG dựa trên 7 tiêu chí: Vai trò của lãnh đạo; hoạch định chiến lược; định hướng vào khách hàng và thị trường; đo lường, phân tích và quản lý tri thức;

quản lý, phát triển nguồn nhân lực; quản lý quá trình hoạt động; kết quả hoạt động.

Để phổ biến giải năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã gửi thư mời tham gia, cung cấp các thông tin liên quan đến giải thưởng cho các doanh nghiệp, đồng thời tập huấn về các tiêu chí của giải thưởng, hướng dẫn doanh nghiệp thực hành theo các tiêu chí mà giải thưởng đặt ra... Hiện sở đã tiếp nhận hồ sơ tham gia của 3 doanh nghiệp gồm: Công ty TNHH Hạt giống C.P. Việt Nam; Công ty TNHH Phòng cháy Hoàng Gia; Công ty TNHH May An Lợi đăng ký tham gia giải thưởng trong năm 2025.

Tại buổi làm việc, tổ chuyên gia và các thành viên hội đồng đã tập trung thảo luận kết quả đánh giá các tiêu chí của các hồ sơ tham gia GTCLQG của 3 đơn vị, đồng thời thống nhất cách thức đánh giá trực tiếp tại doanh nghiệp ở bước tiếp theo.

Phó Giám đốc Sở Khoa



học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai bà Trịnh Thị Hòa nhấn mạnh, GTCLQG được Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho các tổ chức, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Đây là giải thưởng thường niên duy nhất về chất lượng được quy định trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

và được ban hành theo quy tắc quốc tế, thuộc hệ thống giải thưởng chất lượng quốc tế. Các doanh nghiệp tham gia và nhận được giải thưởng sẽ có cơ hội tiếp cận các chính sách hỗ trợ và nâng tầm sản phẩm của doanh nghiệp mình./.

0

TIÊU CHUẨN MỚI CHO CÁC SẢN PHẨM CÓ THỂ PHÂN HỦY

Các tiêu chuẩn mới xác định phạm vi các điều kiện cần thiết để bao bì phân hủy được chứng nhận có thể phân hủy theo đúng thiết kế và mục đích sử dụng tại cơ sở phân hủy.

khí mê-tan khỏi bãi chôn lấp và trả lại vật liệu hữu cơ cho đất.

Tiêu chuẩn D8619 được phát triển và triển khai cùng với Tiêu chuẩn D8618, vì hai tiêu chuẩn này có quy trình và điều kiện chung.

Điểm khác biệt chính giữa hai tiêu chuẩn này là D8619 đánh giá các sản phẩm có thể phân hủy trong vật chứa (ví dụ: túi lưới) trong khi D8618 đánh giá các sản phẩm có thể phân hủy không cần vật chứa (ví dụ: được cho trực tiếp vào đồng ủ).

Ông Rhodes Yepsen, thành viên ASTM và giám đốc điều hành tại Viện Sản phẩm Phân hủy



ASTM International đã phê duyệt hai tiêu chuẩn mới nhằm phác thảo cách thức kiểm tra khả năng phân hủy của các sản phẩm phân hủy sinh học được chứng nhận theo đúng mục đích sử dụng tại các cơ sở phân hủy sinh học thực tế, bao gồm một loạt các điều kiện vận hành được xác định dựa trên các phương pháp quản lý tốt nhất. Bao bì phân hủy sinh học đang ngày càng trở nên phổ biến với người tiêu dùng, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý khi họ nỗ lực chuyển hướng các phế liệu thực phẩm thải ra

Sinh học (BPI), cho biết: “Hai phương pháp thử nghiệm thực địa mới này sẽ hữu ích cho các nhà vận hành cơ sở ủ phân, nhà thiết kế hệ thống, nhà hoạch định chính sách và nhà sản xuất sản phẩm/bao bì, những người đang tìm hiểu về các điều kiện cần thiết để phân hủy thành công các sản phẩm phân hủy sinh học đã được chứng nhận tại các cơ sở ủ phân thực tế”. “Vì ủ phân không phải là một quy trình tiêu chuẩn, các phương pháp thử nghiệm này cung cấp một công cụ quan trọng bằng cách xác định

các điều kiện ủ phân tại chỗ cần được theo dõi và báo cáo để hiểu rõ các biến số này ảnh hưởng như thế nào đến quá trình phân hủy các sản phẩm phân hủy sinh học.”

Còn theo thành viên ASTM, ông Mike Mazzotta, đại diện phát triển ứng dụng cấp cao

tại Eastman cho rằng, “Các phương pháp thử nghiệm này sẽ bổ sung cho tiêu chuẩn ASTM D6400 dựa trên phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn này yêu cầu các công cụ phân tích tiên tiến không có sẵn tại các cơ sở ủ phân”./.

0

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ MỚI ĐẶT RA CÁC QUY TẮC ĐỂ KIỂM TOÁN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AI

Một tiêu chuẩn quốc tế mới thiết lập các yêu cầu cụ thể cho các cơ quan kiểm toán và chứng nhận các tổ chức triển khai hệ thống quản lý trí tuệ nhân tạo (AI).



Tiêu chuẩn ISO/IEC 42006 xác định các yêu cầu bổ sung đối với các tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý AI (AIMS) dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 42001. Tiêu chuẩn này được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn nền tảng ISO/IEC 17021-1, đảm bảo các tổ chức chứng nhận có đủ năng lực cần thiết để đánh giá các tổ chức đang phát triển, triển khai hoặc cung cấp hệ thống AI.

Tiêu chuẩn này giải quyết những thách thức đặc thù mà hệ thống AI gặp phải trong các lĩnh vực như đạo đức, chất lượng dữ liệu, rủi ro và minh bạch. Tiêu chuẩn này đảm bảo kiểm toán viên có kiến thức chuyên môn và các quy tắc rõ ràng cần thiết cho việc đánh giá đáng tin cậy và nhất quán.

Ông Wael Diab, chủ tịch ủy ban chung của ISO và IEC chịu trách nhiệm phát triển các tiêu chuẩn AI, cho biết: "Tiêu chuẩn này mang lại cho khách hàng và các bên liên quan sự tin tưởng rằng các tổ chức được chứng nhận đáp ứng được các kỳ vọng nêu trong ISO/IEC 42001".

Những lợi ích chính của ISO/IEC 42006 bao gồm kỳ vọng rõ ràng hơn cho các tổ chức chứng nhận đánh giá AIMS. Điều này giúp tăng cường niềm tin vào kết quả chứng nhận AIMS.

ISO/IEC 42006 hỗ trợ việc kiểm toán mạnh mẽ và nhất quán các rủi ro và biện pháp kiểm soát liên quan đến AI. Tiêu chuẩn này tăng cường tính minh bạch và sự tin cậy cho khách hàng và cơ quan quản lý.

Tiêu chuẩn này dành cho các tổ chức chứng nhận thực hiện kiểm toán AIMS dựa trên ISO/IEC 42001, cũng như các tổ chức công nhận đánh giá những tổ chức chứng nhận đó. Tiêu chuẩn ISO/IEC 42006 không thay thế ISO/IEC 17021-1. Thay vào đó, tiêu chuẩn này bổ sung các yêu cầu cụ thể về AI cho quy trình kiểm toán và chứng nhận.

Ngoài ra, ISO/IEC 42006 có thể được tích hợp vào các chương trình đánh giá sự phù hợp rộng hơn đối với các sản phẩm, quy trình hoặc dịch vụ AI được chứng nhận theo ISO/IEC 17065./.

0

HAI TIÊU CHUẨN MỚI SẼ HỖ TRỢ NỖ LỰC GIẢM THIỂU RÁC THẢI TRÊN THẾ GIỚI

Nhằm giảm thiểu lượng rác thải thải ra mỗi ngày trên toàn cầu, ASTM International đã công bố hai tiêu chuẩn mới liên quan đến việc ủ các chất thải thực phẩm để tái chế ra thành các sản phẩm bảo vệ môi trường.



Tính đến năm 2023, việc quản lý lượng rác thải tại các thành phố lớn trên thế giới hiện nay đã tiêu tốn khoảng 252 tỷ đô la mỗi năm, chưa kể đến chi phí liên quan đến ô nhiễm, tác động đến sức khỏe cộng đồng và các biện pháp xử lý rác thải kém. Thực phẩm đang là một phần ngày càng gia tăng của vấn đề này. Theo trang KeepMassBeautiful.org, tại Hoa Kỳ, thực phẩm chiếm khoảng 22% chất thải rắn đô thị, và chiếm một phần ba tổng lượng rác thải trên toàn thế giới, góp phần gây ra khí thải mê-tan và khí nhà kính.

Theo các nhà khoa học, một giải pháp khả thi để giảm lượng rác thải thực phẩm này là ủ phân, một quá trình tự nhiên tái chế vật liệu hữu cơ thành một loại phụ gia đất giàu dinh dưỡng, có thể cải thiện chất lượng đất và giúp giữ ẩm. Thay vì bị chôn lấp, ủ phân có thể giúp các thành phố và thị trấn giải quyết vấn đề chất thải rắn một cách chủ động, chuyển hướng chất thải thải ra khí mê-tan khỏi bãi chôn lấp dù là

bao bì phân hủy, rác thải thực phẩm hay các vật liệu hữu cơ khác, đồng thời trả lại chất dinh dưỡng cho đất dưới dạng phân hữu cơ.

Để hỗ trợ những nỗ lực này, Ủy ban quản lý chất thải (D34) thuộc ASTM International gần đây đã công bố hai tiêu chuẩn mới. Được phát triển bởi tiểu ban về xử lý, thu hồi và tái sử dụng (D34.03), các tiêu chuẩn này phác thảo các phương pháp thử nghiệm để xác định hiệu quả phân hủy của các sản phẩm phân hủy sinh học đã được chứng nhận tại các cơ sở ủ phân thực tế. Cả hai tiêu chuẩn này đều nhằm mục đích giúp các cơ sở ủ phân xác định rõ hơn hiệu quả của quy trình phân hủy các sản phẩm phân hủy sinh học, từ giấy đến thức ăn thừa.

Ông Rhodes Yepsen, thành viên ủy ban kiêm giám đốc điều hành tại Viện Sản phẩm Phân hủy Sinh học (BPI), cho biết: “Hai phương pháp thử nghiệm thực địa mới này sẽ hữu ích cho các nhà vận hành cơ sở ủ phân, nhà thiết kế hệ thống, nhà hoạch định chính sách và nhà sản xuất sản phẩm/bao bì, những người đang tìm hiểu về các điều kiện cần thiết để phân hủy thành công các sản phẩm phân hủy sinh học đã được chứng nhận tại các cơ sở ủ phân thực tế”. “Vì ủ phân không phải là một quy trình chuẩn hóa, các phương pháp thử nghiệm này cung cấp một công cụ quan trọng bằng cách xác định các điều kiện ủ phân tại chỗ cần được theo dõi và báo cáo để hiểu rõ các biến số này ảnh hưởng như thế nào đến quá trình phân hủy các sản phẩm phân hủy sinh học.”

Cả hai tiêu chuẩn mới đều nêu rõ các phương pháp thử nghiệm đo lường mức độ phân hủy của các vật phẩm có thể ủ trong điều kiện ủ tại chỗ đã được thiết lập:

Phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn để xác định mức độ phân hủy của các vật phẩm trong điều kiện ủ phân tại chỗ đã xác định bằng cách sử dụng liều lượng vật phẩm (D8618)

Phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn để xác định mức độ phân hủy của các vật phẩm trong điều kiện ủ phân tại chỗ đã xác định bằng cách sử dụng các thùng chứa (D8619)

Cả hai đều chỉ đánh giá mức độ phân hủy, một trong nhiều yêu cầu để xác định khả năng phân hủy tổng thể của một sản phẩm. Sự khác biệt giữa hai tiêu chuẩn nằm ở khâu chuẩn bị mẫu: Tiêu chuẩn D8619 kiểm tra các vật liệu có thể phân hủy trong vật chứa (chẳng hạn như túi lưới), trong khi Tiêu chuẩn D8618 kiểm tra chúng ngoài trời (như khi cho vào đồng phân ủ). Phương pháp thùng chứa thường được sử dụng tại các cơ sở mà vật chứa vẫn còn nguyên vẹn trong quá trình thử nghiệm và có thể được tháo ra và nạp lại khi cần thiết.

Cả hai tiêu chuẩn đều nhằm mục đích bổ sung cho thử nghiệm trong phòng thí nghiệm bằng cách giúp xây dựng niềm tin rằng các sản phẩm được thử nghiệm hoặc chứng nhận trong phòng thí nghiệm sẽ phân hủy trong các cơ sở ủ phân thực tế. ASTM ban đầu đã phát triển các

tiêu chuẩn về khả năng ủ phân dựa trên cả nghiên cứu trong phòng thí nghiệm và thực địa vào những năm 1990, thiết lập các thử nghiệm phân tầng về khả năng phân hủy sinh học, phân hủy và độc tính đối với thực vật.

Như ông Yepsen giải thích, “Hai tiêu chuẩn này nêu rõ hướng dẫn đánh giá khả năng của một cơ sở ủ phân trong việc phân hủy các sản phẩm phân hủy được chứng nhận đang ngày càng phổ biến với người tiêu dùng và doanh nghiệp, chẳng hạn như túi đựng thức ăn thừa và các vật dụng phục vụ ăn uống có thể phân hủy như cốc, bát và hộp đựng thức ăn mang về. Điều này rất quan trọng nếu chúng ta muốn có cơ sở hạ tầng phù hợp để quản lý thành công các sản phẩm phân hủy được cùng với thức ăn thừa.”

Do tính phức tạp và tác động sâu rộng của các tiêu chuẩn này, D34 đã bắt đầu triển khai chúng từ năm 2022 cùng với các đối tác từ khắp các ngành. Chương trình này bao gồm Chương trình Thử nghiệm Thực địa Phân hữu cơ, cung cấp nhiều năm kinh nghiệm và khả năng thử nghiệm beta các phương pháp với sự hỗ trợ của BPI và Composting Consortium, một sáng kiến của Trung tâm Kinh tế Tuần hoàn



thuộc Đối tác Vòng kín.

Ngoài ra, ông Yepsen cũng bổ sung thêm về tương lai của các tiêu chuẩn mới này: “Chúng tôi khuyến khích sự tham gia để giúp củng cố các phương pháp kiểm tra này theo

thời gian, đặc biệt là khi mọi người đã tuân theo phương pháp kiểm tra và có thể chia sẻ phản hồi thực tế về những chỗ vẫn bản gây nhầm lẫn hoặc có khoảng trống.”./.

0

ỨC ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI VỀ CÔNG NGHỆ VẬN HÀNH

Nhằm tăng cường bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng, Úc đã áp dụng tiêu chuẩn mới để bảo vệ công nghệ vận hành (OT) hoạt động xuyên suốt và bảo mật.

Úc đã chính thức thông qua loạt tiêu chuẩn AS IEC 62443 làm tiêu chuẩn quốc gia để bảo vệ Công nghệ Vận hành (OT) trong cơ sở hạ tầng quan trọng khỏi các mối đe dọa mạng. Quyết định này được đưa ra trong bối cảnh các cuộc tấn công mạng ngày càng trở nên thường xuyên và tinh vi hơn, nhắm vào các hệ thống hỗ trợ cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

Hệ thống OT là xương sống của các dịch vụ thiết yếu như năng lượng, nước, giao thông vận tải, thiết bị y tế và tự động hóa tòa nhà. Một cuộc tấn công mạng thành công vào các hệ thống này có thể gây rối loạn cộng đồng, đe dọa an toàn công cộng và gây hại cho môi trường. Tiêu chuẩn AS IEC 62443 giúp ngăn chặn điều này bằng cách cung cấp một phương pháp tiếp cận rõ ràng, có cấu trúc về an ninh mạng, hỗ trợ tính an toàn, độ tin cậy và khả năng phục hồi trong suốt vòng đời của các hệ thống này.

Một khuôn khổ thực tế để bảo mật hệ thống OT

Môi trường OT phải đối mặt với những thách thức an ninh mạng đặc thù khác biệt so với các hệ thống CNTT truyền thống. Để giải quyết những thách thức này, các tiêu chuẩn chuyên biệt đã được phát triển cho Hệ thống Tự động hóa và Điều khiển Công

ng nghiệp (IACS). Để ứng phó, Ủy ban Kỹ thuật/IEC 65 về Đo lường, Điều khiển và Tự động hóa Quy trình Công nghiệp đã phát triển bộ tiêu chuẩn IEC 62443 – Bảo mật cho hệ thống tự động hóa và điều khiển công nghiệp. Các tiêu chuẩn này hiện được công nhận tại Úc với tên gọi AS IEC 62443, với sự hỗ trợ và đóng góp từ ủy ban quốc gia IT-006 của chúng tôi.

Các tiêu chuẩn này được thiết kế theo mô-đun và dựa trên vai trò, cho phép người dùng chỉ chọn những phần liên quan đến trách nhiệm của họ hoặc giai đoạn vòng đời hệ thống mà họ đang làm việc. Chúng được thiết kế cho chủ sở hữu tài sản, nhà cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp sản phẩm, đồng thời tuân thủ các yêu cầu quy định tại địa phương - giúp việc triển khai trở nên thiết thực và hiệu quả trên mọi lĩnh vực.

Lợi ích của việc áp dụng AS IEC 62443 được thể hiện ở nhiều khía cạnh:



Bảo vệ sức khỏe cộng đồng bằng cách giúp giảm thiểu nguy cơ hệ thống bị lỗi do tấn công mạng

Hỗ trợ ổn định xã hội bằng cách bảo vệ các dịch vụ thiết yếu mà cộng đồng dựa vào
Tăng cường các cơ hội kinh tế bằng cách cho phép người tiêu dùng tham gia an toàn vào thị trường năng lượng, chẳng hạn như bán điện trở lại lưới điện

Giảm thiểu rủi ro về uy tín bằng cách giảm thiểu nguy cơ mất điện kéo dài và hậu quả pháp lý đối với các tổ chức quản lý cơ sở hạ tầng quan trọng

IEC tiếp tục phát triển các tiêu chuẩn này để đáp ứng nhu cầu của các công nghệ mới nổi và hệ thống thông minh. Phần bổ sung mới – Phần 1-6 – sẽ đề cập đến việc áp dụng loạt tiêu chuẩn này vào Internet vạn vật công nghiệp, hỗ trợ hơn nữa tính an toàn, độ tin cậy và hiệu suất của năng lượng thông minh, sản xuất thông minh và thành phố thông minh.

Bằng cách áp dụng AS IEC 62443, Úc đang thực hiện một bước chủ động để đảm bảo cơ sở hạ tầng quan trọng của mình an toàn, kiên cường và sẵn sàng cho tương lai./.

0

HOÀN THIỆN TIÊU CHUẨN QUY CHUẨN MÔI TRƯỜNG THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN XANH

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Việt Nam hiện có 68 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và 92 Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về môi trường.



Giai đoạn 2021-2025, Cục Môi trường được giao xây dựng thêm 31 QCVN và 6 TCVN, kế thừa quy định hiện hành và học hỏi từ các quốc gia như Hàn Quốc. Các quy chuẩn tập trung vào chất lượng môi trường, quản lý chất thải, phế liệu nhập khẩu và giới hạn chất ô nhiễm.

Hệ thống này đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát ô nhiễm, định hướng công nghệ xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh

nh nghiệp. Tuy nhiên, nhiều quy chuẩn chậm cập nhật, chưa đáp ứng thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ như lò đốt chất thải. Nguồn lực xây dựng tiêu chuẩn còn hạn chế, thiếu chuyên gia và kinh phí, trong khi việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế gặp khó khăn do không phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Ở góc độ chuyên gia, ông Đậu Anh Tuấn, Phó Tổng Thư ký VCCI nhận định QCVN và TCVN là công cụ pháp lý then chốt, nhưng nếu không hiệu quả, chi phí tuân thủ có thể tăng 30%, làm giảm sức cạnh tranh.

Theo các chuyên gia, cần rà soát, loại bỏ quy chuẩn lạc hậu, áp dụng nguyên tắc “một vào, hai ra” để giảm chi phí và tăng cường tham gia của doanh nghiệp vào xây dựng tiêu chuẩn.

Để thúc đẩy phát triển xanh, Việt Nam cần cập nhật quy chuẩn định kỳ, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, đầu tư nguồn lực và tăng cường giám sát. Một hệ thống tiêu chuẩn đồng bộ, minh bạch sẽ giúp doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao cạnh tranh, đồng thời bảo vệ môi trường và hướng tới kinh tế bền vững./.

0

CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 09/2025

❖ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 10067:2025

Đồ dùng trẻ em. Xe tập đi dành cho trẻ. Yêu cầu an toàn và phương pháp thử

Số trang:42

Thay thế:TCVN 10067:2013

TCVN 10176-30-1:2025

Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 30-1: Giao thức điều khiển thiết bị điều khiển và quản lý IoT – Tổng quan về kiến trúc điều khiển và quản lý IoT

Số trang:61

TCVN 10176-30-2:2025

Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 30-2: Giao thức điều khiển thiết bị điều khiển và quản lý IoT – Thiết bị điều khiển và quản lý IoT

Số trang:14

TCVN 11858:2025

Máy lọc không khí. Yêu cầu về tính năng và phương pháp thử

Số trang:19

Thay thế:TCVN 11858:2017

TCVN 12546:2025

Khí thiên nhiên. Lấy mẫu khí

Số trang:86

Thay thế:TCVN 12546:2019

TCVN 12667-5:2025

Xác định các chất trong sản phẩm kỹ thuật điện – Phần 5: Cadmium, chì, crom trong polyme, sản phẩm điện tử và cadmium, chì trong kim loại bằng AAS, AFS, ICP-OES và ICP-MS

Số trang:41

TCVN 13290:2021

Sửa công thức dành cho trẻ sơ sinh. Xác định thành phần WHEY PROTEIN bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

Số trang:15

TCVN 13299:2021

Sửa công thức dạng bột dành cho trẻ sơ sinh. Xác định hàm lượng WHEY PROTEIN bằng phương pháp điện di mao quản

Số trang:14

TCVN 13587:2025

Viễn thám quang học đa phổ. Siêu dữ liệu viễn thám mức 1A, 2A, 3A, 3B. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:12

TCVN 13588:2025

Viễn thám quang học đa phổ - Ảnh viễn thám độ phân giải cao và siêu cao mức 1A, 2A, 3A, 3B - Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:23

TCVN 13813-3:2025

Internet vạn vật (IoT) – Tính liên tác đối với hệ thống IoT – Phần 3: Tính liên tác ngữ nghĩa

Số trang:49

TCVN 14228-2:2025

Internet vạn vật (IoT) – Nền tảng trao đổi dữ liệu đối với các dịch vụ IoT – Phần 2: Tính liên tác vận chuyển giữa các điểm nút

Số trang:22

TCVN 14334:2025

Kết cấu bê tông khối lớn – Thi công và nghiệm thu

Số trang:27

TCVN 14362:2025

Viễn thám quang học đa phổ – Ảnh viễn thám độ phân giải cao

và siêu cao – Quy trình xử lý ảnh viễn thám mức 2A, 3A, 3B

Số trang:14

TCVN 14363-1:2025

Bản đồ điều tra đánh giá đất đai. Phần 1: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ chất lượng đất

Số trang:39

TCVN 14363-2:2025

Bản đồ điều tra đánh giá đất đai. Phần 2: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ thoái hóa đất

Số trang:36

TCVN 14380-1:2025

Máy và thiết bị xây dựng. Máy nghiền di động. Phần 1: Thuật ngữ và đặc tính kỹ thuật

Số trang:27

TCVN 14380-2:2025

Máy và thiết bị xây dựng. Máy nghiền di động. Phần 2: Yêu cầu an toàn và kiểm tra xác nhận

Số trang:46

TCVN 14381-1:2025

Máy và thiết bị xây dựng. Máy xoa và hoàn thiện bề mặt bê tông xi măng. Phần 1: Đặc tính kỹ thuật

Số trang:13

TCVN 14381-2:2025

Máy và thiết bị xây dựng. Máy xoa và hoàn thiện bề mặt bê tông xi măng. Phần 2: Yêu cầu an toàn và kiểm tra xác nhận

Số trang:24

TCVN 14382:2025

Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật. Yêu cầu thiết kế

Số trang:39

TCVN 14400:2025

Nhiên liệu hàng không – Phương pháp tính nhiệt trị cháy thực Số trang:14 TCVN 14401:2025	Hệ thống quản lý sử dụng nước hiệu quả. Yêu cầu hướng dẫn sử dụng Số trang:52 TCVN 14415:2025	TCVN 14455:2025 Đồ dùng trẻ em. Ghế trẻ em cho xe đạp. Yêu cầu an toàn và phương pháp thử Số trang:76 TCVN 14456:2025
Nhiên liệu tuốc bin hàng không – Xác định độ bôi trơn bằng thiết bị đánh giá khả năng bôi trơn viên bi trên xy lanh (BOCLE) Số trang:24 TCVN 14402:2025	Khí thiên nhiên. Đánh giá hiệu năng của hệ thống phân tích Số trang:41 TCVN 14451-1:2025	Xe đẩy trẻ em có bánh xe. Xe đẩy và xe nô. Yêu cầu an toàn và phương pháp thử Số trang:104 TCVN 14457:2025
Nhiên liệu hàng không – Xác định tạp chất dạng hạt bằng phương pháp lọc trong phòng thí nghiệm Số trang:25 TCVN 14403:2025	Thiết bị chơi bơm hơi – Phần 1: Yêu cầu an toàn và phương pháp thử Số trang: 55 TCVN 14451-2:2025	Hướng dẫn về thông tin cuối vòng đời do nhà chế tạo và nhà tái chế cung cấp để tính toán tỉ lệ tái chế của thiết bị điện và điện tử Số trang:33 TCVN 14458:2025
Nhiên liệu hàng không – Xác định điểm băng (Phương pháp chuyển pha tự động) Số trang:13 TCVN 14404:2025	Thiết bị chơi bơm hơi – Phần 2: Yêu cầu an toàn bổ sung đối với phao nhún lắp đặt cố định Số trang:16 TCVN 14451-3:2025	Phân tích các phương pháp luận định lượng phát thải khí nhà kính dùng cho các sản phẩm và hệ thống điện, điện tử Số trang:90 TCVN 14459:2025
Nhiên liệu tuốc bin hàng không loại kerosin có chứa phụ gia – Xác định đặc tính tách nước bằng thiết bị tách nước xách tay Số trang:35 TCVN 14405:2025	Thiết bị chơi bơm hơi – Phần 3: Yêu cầu an toàn bổ sung và phương pháp thử thiết bị chơi leo trèo và trượt Số trang:10 TCVN 14452:2025	Hướng dẫn định lượng các mức giảm phát thải khí nhà kính từ đường cơ sở cho các sản phẩm và hệ thống điện, điện tử Số trang:53 TCVN 14460:2025
Nhiên liệu tuốc bin hàng không – Xác định nồng độ phụ gia giảm trở lực đường ống Số trang:13 TCVN 14406:2025	Thiết bị sân chơi cho tất cả trẻ em –Nguyên tắc chung Số trang:25 TCVN 14453-1:2025	Hướng dẫn các xem xét về hiệu quả sử dụng vật liệu trong thiết kế có ý thức về môi trường đối với các sản phẩm điện và điện tử Số trang:13 TCVN 14461:2025
Nhiên liệu tuốc bin hàng không – Xác định đặc tính tách nước bằng thiết bị tách nước cỡ nhỏ Số trang:20 TCVN 14407:2025	Đồ dùng trẻ em – Nội ngữ – Phần 1: Nội ngữ cho trẻ đến trước khi tập ngồi Số trang: 56 TCVN 14453-2:2025	Xây dựng phương pháp thử. Hướng dẫn lựa chọn chất Số trang:17 TCVN 14462:2025
Các hoạt động dịch vụ liên quan đến hệ thống cấp nước, hệ thống nước thải và nước mưa chảy tràn. Từ vựng Số trang:123 TCVN 14408:2025	Đồ dùng trẻ em. Địu. Yêu cầu an toàn và phương pháp thử. Phần 1: Địu lưng có khung đỡ Số trang:24	Tài liệu kỹ thuật để đánh giá các sản phẩm điện và điện tử liên quan đến việc hạn chế các chất nguy hại

Số trang:10

TCVN 14463:2025

Tiêu chuẩn hóa môi trường đối với các sản phẩm và hệ thống điện và điện tử – Bảng chú giải thuật ngữ

Số trang:19

TCVN 14465:2025

Công nghệ thông tin. Trí tuệ nhân tạo. Khung quản lý quá trình phân tích dữ liệu lớn

Số trang:45

TCVN 14466:2025

Dữ liệu lớn. Khung và yêu cầu trao đổi dữ liệu

Số trang:37

TCVN 14475-1:2025

Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Tích hợp các ứng dụng chẩn đoán, đánh giá năng lực và bảo trì – Phần 1: Tổng quan và yêu cầu chung

Số trang:40

TCVN 14475-2:2025

Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Tích hợp các ứng dụng chẩn đoán, đánh giá năng lực và bảo trì – Phần 2: Mô tả và định nghĩa các phần tử ma trận miền ứng dụng

Số trang:38

TCVN 14475-3:2025

Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Tích hợp các ứng dụng chẩn đoán, đánh giá năng lực và bảo trì – Phần 3: Phương pháp mô tả tích hợp ứng dụng

Số trang:49

TCVN 14476-1:2025

Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 1: Tổng quan

Số trang:18

TCVN 14476-2:2025

Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 2: Quá trình tham chiếu cho lập kế hoạch sản xuất liền mạch

Số trang:55

TCVN 14476-3:2025

Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 3: Luồng thông tin trong quá trình lập kế hoạch sản xuất

Số trang:72

TCVN 14476-4:2025

Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 4: Chỉ số hiệu quả trọng yếu (KPI) trong quá trình lập kế hoạch sản xuất

Số trang:49

TCVN 14476-5:2025

Hệ thống tự động hóa công nghiệp và tích hợp – Quy trình chuẩn hóa cho kỹ thuật hệ thống sản xuất – Phần 5: Quản lý thay đổi sản xuất

Số trang:39

TCVN 14478:2025

Kiểm định cầu đường bộ

Số trang:106

TCVN 14481-1:2025

Tính toán đám mây và các nền tảng phân tán – Luồng dữ liệu, loại dữ liệu và sử dụng dữ liệu – Phần 1: Yêu cầu cơ bản

Số trang:83

TCVN 14482:2025

Công nghệ thông tin – Tính toán đám mây và nền tảng phân tán – Nguyên tắc phân loại cho nền tảng số

Số trang:42

TCVN 14483:2025

Công nghệ thông tin – Tính toán đám mây – Khung tin cậy để xử lý dữ liệu đa nguồn

Số trang:22

TCVN 14505:2025

Đô thị và cộng đồng bền vững – Các chỉ số về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị

Số trang:121

TCVN 14506:2025

Công nghệ thông tin – Chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông cho đô thị thông minh

Số trang:25

TCVN 14507:2025

Công nghệ thông tin – Kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh – Dữ liệu và dịch vụ

Số trang:24

TCVN 14667:2025

Dữ liệu lớn. Kiến trúc tham chiếu

Số trang:20

TCVN 6426:2025

Nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không Jet A-1 – Quy định kỹ thuật

Số trang:51

Thay thế:TCVN 6426:2020

TCVN 6530-4:2016

Vật liệu chịu lửa. Phương pháp thử. Phần 4: Xác định độ chịu lửa

Số trang:11

Thay thế:TCVN 6530-4:1999

TCVN 9794:2025

Khí thiên nhiên. Phương pháp phân tích bằng sắc ký khí (GC)

Số trang:33

Thay thế:TCVN 9794:2013

TCVN ISO 14091:2025

Thích ứng biến đổi khí hậu – Hướng dẫn về tính dễ bị tổn

<p>thương, tác động và đánh giá rủi ro</p> <p>Số trang:56</p> <p>TCVN ISO 14093:2025</p> <p>Cơ chế tài chính cho việc thích ứng với biến đổi khí hậu của địa phương – Các khoản tài trợ để chống chịu khí hậu dựa trên kết quả hoạt động – Các yêu cầu và hướng dẫn</p> <p>Số trang:63</p> <p>TCVN ISO 14097:2025</p> <p>Quản lý khí nhà kính và các hoạt động liên quan – Khuôn khổ bao gồm các nguyên tắc, yêu cầu để đánh giá, báo cáo các hoạt động đầu tư và tài chính liên quan đến biến đổi khí hậu</p> <p>Số trang:59</p>	<p>long-term ultimate relative ring deflection under wet conditions</p> <p>Pages: 11</p> <p>Replaces: ISO 10471:2018</p> <p>ISO 10785:2025</p> <p>Space systems — Bellows — Design and operation</p> <p>Pages: 15</p> <p>Replaces: ISO 10785:2011</p> <p>ISO 10786:2025</p> <p>Space systems — Structural components and assemblies</p> <p>Pages: 69</p> <p>Replaces: ISO 10786:2011</p> <p>ISO 10820:2025</p> <p>Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Ultraviolet irradiation equipment using UV-A LEDs and optical radiometry for performance test of semiconducting photocatalytic materials</p> <p>Pages: 11</p> <p>ISO 10993-12:2021/ Amd 1:2025</p> <p>Biological evaluation of medical devices — Part 12: Sample preparation and reference materials</p> <p>Amendment 1</p> <p>Pages: 2</p> <p>ISO 1120:2025</p> <p>Conveyor belts — Determination of strength of mechanical fastenings for textile conveyor belts — Static test method</p> <p>Pages: 7</p> <p>ISO 11265:2025</p> <p>Environmental solid matrices — Determination of the specific electrical conductivity</p> <p>Pages: 7</p> <p>ISO 11352:2025</p>	<p>Water quality — Estimation of measurement uncertainty based on validation and quality control data</p> <p>Pages: 38</p> <p>ISO 11431:2025</p> <p>Building and civil engineering sealants — Determination of adhesion and cohesion properties of sealants after exposure to heat, water and artificial light through glass</p> <p>Pages: 6</p> <p>Replaces: ISO 11431:2002</p> <p>ISO 11465:2025</p> <p>Sludge and solid environmental matrices — Determination of dry residue or water content and calculation of the dry matter fraction on a mass basis</p> <p>Pages: 12</p> <p>Replaces: ISO 11465:1993</p> <p>ISO 11471:2025</p> <p>Agricultural tractors and machinery — Coding of remote hydraulic power services and controls</p> <p>Pages: 2</p> <p>Replaces: ISO 11471:1995</p> <p>ISO 11886:2025</p> <p>Drilling and foundation machinery — Soil or soil and rock mixture drilling and foundation machines — Commercial specifications</p> <p>Pages: 123</p> <p>Replaces: ISO 11886:2002</p> <p>ISO 11901-2:2025</p> <p>Tools for pressing — Gas springs</p> <p>Part 2: Specification of accessories</p> <p>Pages: 12</p> <p>Replaces: ISO 11901-2:2018</p> <p>ISO 13099-2:2025</p>
---	---	--

❖ **TIÊU CHUẨN ISO**

ISO/TS 9651:2025

Nanotechnologies — Classification framework for graphene-related 2D materials

Pages: 22

ISO 10406-1:2025

Fibre-reinforced polymer (FRP) reinforcement of concrete — Test methods — Part 1: FRP bars

Pages: 40

ISO 10406-4:2025

ibre-reinforced polymer (FRP) reinforcement of concrete — Test methods — Part 4: FRP grids

Pages: 36

ISO 10471:2025

Glass-reinforced thermosetting plastics (GRP) pipes — Determination of the long-term ultimate bending strain and the

- Colloidal systems — Methods for zeta-potential determination
Part 2: Optical methods
Pages: 21
Replaces: ISO 13099-2:2012
ISO 13110:2025
Cigarettes — Determination of menthol in total particulate matter from mainstream cigarette smoke with a smoking regime according to ISO 3308 (standard smoking regime) — Gas chromatographic method
Pages: 9
Replaces: ISO 13110:2012
ISO 13155:2025
Refuse collection vehicles — Vocabulary, classification and requirements for commercial specifications
Pages: 31
ISO 13165-4:2025
Water quality — Radium-226
Part 4: Test method using alpha spectrometry
Pages: 31
ISO 13171:2016/Amd 1:2025
Essential oil of oregano [Origanum vulgare L. subsp. hirtum (Link) Letsw.]
Amendment 1
Pages: 1
ISO 13381-1:2025
Condition monitoring and diagnostics of machine systems — Prognostics
Part 1: General guidelines and requirements
Pages: 23
Replaces: ISO 13381-1:2015
ISO 13548:2025
Copper and zinc sulfide concentrates — Determination of fluorine content by sodium hydroxide fusion and fluoride ion selective electrode detection
Pages: 18
ISO 13670:2025
Fasteners — Reverse-taper grooved pins — One quarter-length progressive grooves on both sides
Pages: 8
ISO 13802:2025
Plastics — Verification of pendulum impact-testing machines — Charpy, Izod and tensile impact-testing
Pages: 35
Replaces: ISO 13802:2015
ISO 13909-8:2025
Coal and coke — Mechanical sampling
Part 8: Methods of testing for bias
Pages: 26
Replaces: ISO 13909-8:2016
ISO 13916:2025
Welding — Measurement of preheating temperature, interpass temperature and preheat maintenance temperature
Pages: 4
Replaces: ISO 13916:2017
ISO 14405-1:2025
Geometrical product specifications (GPS) — Dimensional tolerancing
Part 1: Linear sizes
Pages: 54
Replaces: ISO 14405-1:2016
ISO 15118-21:2025
Road vehicles — Vehicle to grid communication interface
Part 21: Common 2nd generation network layer and application layer requirements
conformance test plan
Pages: 321
ISO 15192:2025
Soil and waste — Determination of chromium(VI) in solid material by alkaline digestion and ion chromatography with spectrophotometric detection
Pages: 25
Replaces: ISO 15192:2021
ISO 15382:2025
Radiological protection — Procedures for monitoring the dose to the lens of the eye, the skin and the extremities
3 Pages: 5
Replaces: ISO 15382:2015
ISO 15592-2:2025
Fine-cut tobacco and smoking articles made from it — Methods of sampling, conditioning and analysis
Part 2: Atmosphere for conditioning and testing
Pages: 5
Replaces: ISO 15592-2:2001
ISO 15597:2025
Petroleum and related products — Determination of chlorine and bromine content — Wavelength-dispersive X-ray fluorescence spectrometry
Pages: 8
Replaces: ISO 15597:2001
ISO 15613:2025
Specification and qualification of welding procedures for metallic materials — Qualification based on a pre-production welding test
Pages: 4
Replaces: ISO 15613:2004
ISO 15614-2:2025
Specification and qualification of welding procedures for metallic materials — Welding procedure test

<p>Part 2: Arc welding of aluminium and its alloys Pages: 26 Replaces: ISO 15614-2:2005/Cor 1:2005 ISO 16094-2:2025 Water quality — Analysis of microplastic in water Part 2: Vibrational spectroscopy methods for waters with low content of suspended solids including drinking water Pages: 35 ISO 16140-3:2021/ Amd 1:2025 Microbiology of the food chain — Method validation — Part 3: Protocol for the verification of reference methods and validated alternative methods in a single laboratory Amendment 1: Protocol for verification of validated identification methods of microorganisms Pages: 14 ISO 16294:2025 Basic chemical products — Basic chemicals resulting from chemical recycling — General principles Pages: 5 ISO 16481:2025 Microbiology of the food chain — Method validation — Part 4: Protocol for method validation in a single laboratory Amendment 2: Protocol for single-laboratory validation of identification methods of microorganisms Pages: 5 ISO 16484-4:2025 Building automation and control systems (BACS)</p>	<p>Part 4: Control applications Pages: 147 ISO 16499-1:2025 Sustainable mobility and transportation — Automated mobility using physical and digital infrastructure Part 1: Service role architecture Pages: 10 ISO 16650:2025 Bead wire Pages: 15 Replaces: ISO 16650:2004 ISO 16681:2025 Ships and marine technology — Pilot transfer arrangements — Ship hull securing equipment Pages: 4 ISO 16685:2025 Thermal insulating products for industrial installations — Mechanical properties testing at sub-ambient temperatures Pages: 8 ISO 16965:2025 Environmental solid matrices — Determination of elements using inductively coupled plasma mass spectrometry (ICP-MS) Pages: 19 Replaces: ISO/TS 16965:2013 ISO 17208-3:2025 Underwater acoustics — Quantities and procedures for description and measurement of underwater sound from ships Part 3: Requirements for measurements in shallow water Pages: 58 ISO 17268-1:2025 Gaseous hydrogen land vehicle refuelling connection devices Part 1: Flow capacities up to and including 120 g/s</p>	<p>Pages: 56 Replaces: ISO 17268:2020 ISO 17438-5:2025 Intelligent transport systems — Indoor navigation for personal and vehicle ITS stations Part 5: Requirements and message specification for central ITS station (C-ITS-S) based positioning Pages: 21 ISO 17662:2025 Welding — Calibration, verification and validation of equipment used for welding, including ancillary activities Pages: 29 Replaces: ISO 17662:2016 ISO 17730:2025 Dentistry — Fluoride varnishes Pages: 11 Replaces: ISO 17730:2020 ISO 17829:2025 Solid biofuels — Determination of length and diameter of pellets Pages: 18 Replaces: ISO 17829:2015 ISO 17887:2025 Traceability of rare earths in the supply chain from separated products to permanent magnets Pages: 16 ISO 18518:2025 Magnetic fusion facilities — Requirements for the safety systems raised by the application of the superconducting technology Pages: 19 ISO 18527-3:2020/ Amd 1:2025 Eye and face protection for sports use — Part 3: Requirements and test methods</p>
--	--	---

- for eyewear intended to be used for surface swimming
Amendment 1
Pages: 2
ISO 18618:2025
Dentistry — Interoperability of CAD/CAM systems
Pages: 70
Replaces: ISO 18618:2022
ISO 18731:2025
Spices and condiments — Seasoning oil of Zanthoxyli pericarpium — Specification
Pages: 10
ISO 18959:2025
Thermal insulation products — Rigid nano-microporous insulation for industrial applications — Specification
9
ISO 18960:2025
Security controls and implementation for third party payment service providers — Guidance and requirements
Pages: 24
ISO 18997:2025
Water reuse in urban areas — Guidelines for urban reclaimed water for landscaping uses
Pages: 14
ISO 19085-13:2025
Woodworking machines — Safety
Part 13: Multi-blade rip sawing machines with manual loading and/or unloading
Pages: 47
ISO 19152-5:2025
Geographic information — Land Administration Domain Model (LADM)
Part 5: Spatial plan information
Pages: 35
Replaces: ISO 19152:2012
ISO 19223-3:2025
Lung ventilators and related equipment — Vocabulary and semantics
Part 3: Respiratory care
Pages: 12
ISO 1928:2025
Coal and coke — Determination of gross calorific value
Pages: 61
Replaces: ISO 1928:2020
ISO 19581:2025
Measurement of radioactivity — Gamma emitting radionuclides — Rapid screening method using scintillation detector gamma-ray spectrometry
Pages: 22
Replaces: ISO 19581:2017
ISO 19880-7:2025
Gaseous hydrogen — Fuelling stations
Part 7: Rubber O-rings
Pages: 23
ISO 20041-2:2025
Tritium and carbon-14 activity in gaseous effluents and gas discharges of nuclear installations
Part 2: Determination of tritium and carbon-14 activities sampled by bubbling technique
Pages: 41
ISO 20589:2025
Glass in building — Determination of the emissivity
16
ISO 20929:2025
Tools for pressing — Heel guidings in large stamping and forming dies
Pages: 5
Replaces: ISO 20929:2018
ISO 21100:2025
Air cargo unit load devices — Performance requirements and test parameters
Pages: 51
Replaces: ISO 21100:2020
ISO 21121:2025
Spices and condiments — Dried lime (whole, slices and ground) — Specification
Pages: 5
ISO 21254-1:2025
Lasers and laser-related equipment — Test methods for laser-induced damage threshold
Part 1: Definitions and general principles
Pages: 32
Replaces: ISO 21254-1:2011
ISO 21347:2025
Space systems — Fracture and damage control
Pages: 29
Replaces: ISO 21347:2005
ISO 21684:2025
Fans — Laboratory test methods for air circulating fans
Pages: 28
ISO 21716-4:2025
Ships and marine technology — Bioassay methods for screening anti-fouling paints
Part 4: Algae
Pages: 19
ISO 22002-1:2025
Prerequisite programmes on food safety
Part 1: Food manufacturing
Pages: 9
Replaces: ISO/TS 22002-1:2009
ISO 22002-100:2025
Prerequisite programmes on food safety
Part 100: Requirements for the food, feed and packaging supply chain

Pages: 22 ISO 22002-2:2025 Prerequisite programmes on food safety Part 2: Catering Pages: 11 Replaces: ISO/TS 22002-2:2013 ISO 22002-4:2025 Prerequisite programmes on food safety Part 4: Food packaging manufacturing Pages: 7 ISO 22002-6:2025 Prerequisite programmes on food safety Part 6: Feed and animal food production Pages: 6 Replaces: ISO/TS 22002-6:2016 ISO 22002-7:2025 Prerequisite programmes on food safety Part 7: Retail and wholesale Pages: 8 ISO 22412:2025 Particle size analysis — Dynamic light scattering (DLS) Pages: 64 Replaces: ISO 22412:2017 ISO 22471:2020/Amd 1:2025 Permissible mechanical connection combinations between towed and towing agricultural vehicles Amendment 1 Pages: 1 ISO 22552:2025 Space systems — Manufacturing readiness review Pages: 9 ISO 22760-6:2024/Amd 1:2025 Road vehicles — Dimethyl Ether (DME) fuel system components	— Part 6: Pressure relief valve (PRV) Amendment 1 Pages: 2 ISO 23387:2025 Building information modelling (BIM) — Data templates for objects used in the life cycle of assets Pages: 35 Replaces: ISO 23387:2020 ISO 23505:2025 Petroleum and liquid petroleum products — Calibration of spherical tanks — External electro-optical distance-ranging method Pages: 25 ISO 23873:2025 Hard coal — Method for the measurement of the swelling properties using a dilatometer Pages: 14 Replaces: ISO 23873:2010 ISO 23983:2025 Food products — Characteristics of fresh and dry baker's yeast Pages: 12 ISO 24251-1:2025 Prevention of hydrogen assisted brittle fracture of high-strength steel components Part 1: Fundamentals and measures Pages: 23 ISO 24427:2025 Radiological protection — Medical proton accelerators — Requirements and recommendations for shielding design and evaluation Pages: 49 ISO 24495-2:2025 Plain language	Part 2: Legal communication Pages: 13 ISO 24516-1:2016/Amd 1:2025 Guidelines for the management of assets of water supply and wastewater systems — Part 1: Drinking water distribution networks Amendment 1: Performance indicators and requirements for monitoring and review with additional related examples Pages: 3 ISO 24566-4:2025 Drinking water, wastewater and stormwater systems and services — Adaptation of water services to climate change impacts Part 4: Wastewater services Pages: 40 ISO 24600:2025 Essential oil of roman chamomile [<i>Chamaemelum nobile</i> (L.) All. syn. <i>Anthemis nobilis</i> L.] Pages: 8 ISO 2478:2025 Dense shaped refractory products — Determination of permanent change in dimensions on heating Pages: 10 Replaces: ISO 2478:1987 ISO 25131:2025 Hardware for furniture — Strength and durability of hinges and their components — Stays and hinges pivoting on a horizontal axis Pages: 18 ISO 27269:2025 Health informatics — International patient summary
--	--	--

Pages: 76	Replaces: ISO 3095:2013	Electrical installations in ships -
Replaces: ISO 27269:2021	ISO 31510:2025	Part 501: Special features -
ISO 27927:2025	Cold chain logistics —	Electric propulsion plant
Carbon dioxide capture — Key	Vocabulary	Pages: 44
performance parameters and	Pages: 6	IEC 60153-2:2025 PRV
characterization methods of	ISO 37009:2025	Hollow metallic waveguides -
absorption liquids for post-	Conflict of interest in	Part 2: Relevant specifications
combustion CO2 capture	organizations — Guidance	for ordinary rectangular
Pages: 70	Pages: 20	waveguides
ISO 28701:2025	ISO 4064-5:2025	Pages: 17
Inland navigation and	Water meters for cold potable	IEC 60335-2-5:2025 PRV
commercial shipping — Safety	water and hot water	Household and similar
and sustainability management	Part 5: Installation	electrical appliances - Safety -
systems — Requirements and	requirements	Part 2-5: Particular
guidance for use	Pages: 12	requirements for dishwashers
Pages: 26	Replaces: ISO 4064-5:2014	Pages: 28
ISO 30011:2025		IEC 60335-2-
Workplace air — Determination		13:2021+AMD1:2025 CSV
of metals and metalloids in	❖ <u>TIÊU CHUẨN IEC</u>	Household and similar
airborne particulate matter by		electrical appliances - Safety -
inductively coupled plasma	IEC 60068-2-1:2025	Part 2-13: Particular
mass spectrometry	Environmental testing - Part 2-	requirements for deep fat
Pages: 34	1: Tests - Test A: Cold	fryers, frying pans and similar
Replaces: ISO 30011:2010	Pages: 60	appliances
ISO 30414:2025	Replaces: IEC 60068-2-1:2007	Pages: 38
Human resource management	IEC 60068-2-2:2025	IEC 60335-2-
— Requirements and	Environmental testing - Part 2-	13:2021/AMD1:2025
recommendations for human	2: Tests - Test B: Dry heat	Amendment 1 - Household and
capital reporting and disclosure	Pages: 29	similar electrical appliances -
Pages: 67	Replaces: IEC 60068-2-2:2007	Safety - Part 2-13: Particular
Replaces: ISO 30414:2018	IEC 60072-2:2025	requirements for deep fat
ISO 3054:2025	Dimensions and output series	fryers, frying pans and similar
Essential oil of lavandin Abrial	for rotating electrical machines	appliances
(Lavandula x intermedia Emeric	- Part 2: Frame numbers 355 to	Pages: 4
ex Loisel. 'abrial') (ex Lavandula	1 000 and flange numbers 1	IEC 60335-2-48:2021+
angustifolia Mill. x Lavandula	180 to 2 360	AMD1:2025 CSV
latifolia Medik. 'abrial')	Pages: 28	Household and similar
Pages: 8	IEC 60079-45:2025	electrical appliances - Safety -
Replaces: ISO 3054:2017	Explosive atmospheres - Part	Part 2-48: Particular
ISO 3095:2025	45: Electrical ignition systems	requirements for commercial
Railway applications —	for internal combustion	electric grillers and toaster
Acoustics — Measurement of	engines	Pages: 57
noise emitted by railbound	Pages: 89	Replaces: IEC 60335-2-
vehicles	IEC 60092-501:2025	48:2002+AMD1:2008+AMD2:20
Pages: 90		17 CSV

**IEC 60335-2-48:2021/
AMD1:2025**
Amendment 1 - Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-48: Particular requirements for commercial electric grillers and toasters
Pages: 4

**IEC 60335-2-49:2021+
AMD1:2025 CSV**
Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-49: Particular requirements for commercial electric appliances for keeping food and crockery warm
Pages: 67

**IEC 60335-2-49:2021/
AMD1:2025**
Amendment 1 - Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-49: Particular requirements for commercial electric appliances for keeping food and crockery warm
Pages: 6

**IEC 60335-2-50:2021+
AMD1:2025 CSV**
Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-50: Particular requirements for commercial electric bains-marie
Pages: 61

**IEC 60335-2-50:2021/
AMD1:2025**
Amendment 1 - Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-50: Particular requirements for commercial electric bains-marie
Pages: 6

**IEC 60335-2-54:2022+
AMD1:2025 CSV**

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-54: Particular requirements for surface-cleaning appliances for household use employing liquids or steam
Pages: 46

**IEC 60335-2-54:2022/
AMD1:2025**
Amendment 1 - Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-54: Particular requirements for surface-cleaning appliances for household use employing liquids or steam
Pages: 3

**IEC 60335-2-85/
AMD1:2025 PRV**
Amendment 1 - Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-85: Particular requirements for fabric steamers
Pages: 6
Replaces: IEC 60335-2-85:2022

IEC 60335-2-116:2025 PRV
Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-116: Particular requirements for furniture with electrically motorized parts
Pages: 24

IEC 60364-1:2025
Low-voltage electrical installations - Part 1: Fundamental principles, assessment of general characteristics, and definitions
Pages: 99

IEC TR 60695-2-16:2025
Fire hazard testing - Part 2-16: Glowing/hot-wire based test methods - Summary of the

round robin tests related to the use of pyrometer for glow-wire temperature measurements according to IEC 60695-2-10
Pages: 124

IEC 60749-22-1:2025 PRV
Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 22-1: Bond strength - Wire bond pull test methods
Pages: 61

IEC 60749-22-2:2025 PRV
Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 22-2: Bond strength - Wire bond shear test methods
Pages: 34

IEC 60749-24:2025 PRV
Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 24: Accelerated moisture resistance - Unbiased HAST
Pages: 9

IEC TS 60825-20:2025
Safety of laser products - Part 20: Safety requirements for products intentionally exposing face or eyes to laser radiation
Pages: 43

**IEC 61000-4-27:2000+
AMD1:2009+AMD2:2025 CSV**
Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 4-27: Testing and measurement techniques - Unbalance, immunity test for equipment with input current not exceeding 16 A per phase
Pages: 50

**IEC 61000-4-27:2000/
AMD2:2025**
Amendment 2 - Electromagnetic compatibility

(EMC) - Part 4-27: Testing and measurement techniques – Unbalance, immunity test for equipment with input current not exceeding 16 A per phase
Pages: 10

IEC TS 61169-1-7:2025

Radio-frequency connectors - Part 1-7: Electrical test methods - Uncertainty specification of frequency domain test for insertion loss
Pages: 11

IEC 61169-23:2025

Radio-frequency connectors - Part 23: Pin and socket connector for use with 3,5 mm rigid precision coaxial lines with inner diameter of outer conductor of 3,5 mm (0,1378 in)
Pages: 45

IEC 61196-1-114:2025 PRV

Coaxial communication cables - Part 1-114: Electrical test methods - Test for inductance
Pages: 15

Replaces: IEC 61196-1-114:2015

IEC 61249-2-52:2025

Materials for printed boards and other interconnecting structures - Part 2-52: Reinforced base materials clad and unclad - Thermosetting hydrocarbon resin system, woven E-glass reinforced laminate sheets of defined flammability (vertical burning test), copper-clad
Pages: 20

IEC 61300-3-14:2025 PRV

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and

measurement procedures - Part 3-14: Examinations and measurements - Error and repeatability of the attenuation settings of a variable optical attenuator
Pages: 13

Replaces: IEC 61300-3-14:2014
IEC 61754-37:2025

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Fibre optic connector interfaces - Part 37: Type MDC connector family
Pages: 49

IEC 62047-49:2025 PRV

Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 49: Temperature and humidity test methods for piezoelectric MEMS cantilevers
Pages: 8

IEC 62541-7:2025 PRV

OPC Unified Architecture - Part 7: Profiles
Pages: 161

IEC 62548-1/AMD1:2025 PRV

Amendment 1 - Photovoltaic (PV) arrays - Part 1: Design requirements
Pages: 11

IEC 62552-1:2015+

AMD1:2020+AMD2:2025 CSV
Household refrigerating appliances - Characteristics and test methods - Part 1: General requirements
Pages: 175

IEC 62552-1:2015/AMD2:2025

Amendment 2 - Household refrigerating appliances - Characteristics and test

methods - Part 1: General requirements
Pages: 4

IEC 62570:2025

Standard practice for marking medical devices and other items for safety in the magnetic resonance environment
Pages: 18

Replaces: IEC 62570:2014
IEC TR 62595-1-6:2025

Display lighting unit - Part 1-6: Quantum dot films and quantum dot diffuser plates used in backlight unit
Pages: 21

IEC 62683-2-2:2025

Low-voltage switchgear and controlgear - Product data and properties for information exchange - Engineering data - Part 2-2: Switchgear and controlgear assembly objects for building information modelling
Pages: 61

IEC 62783-1-2:2025

Twinax cables for digital communications - Part 1-2: Time domain test method for twinax cables for digital communications - Impedance
Pages: 13

IEC 62849:2025 PRV

Performance evaluation methods of robots for household and similar use
Pages: 54

IEC 62899-302-7:2025 PRV

Printed electronics - Part 302-7: Equipment - Inkjet - Measurement methods of dot placement evaluation for printed electronics
Pages: 29

<p>IEC TS 63042-103:2025 UHV AC transmission systems - Part 103: Security and stability requirements for system planning and design Pages: 26</p>	<p>Optical fibre cables - Microduct technology - Guidance Pages: 25</p>	<p>Explosive atmospheres - Part 30-2: Electrical resistance trace heating - Guidance on application for design, installation and maintenance Pages: 150</p>
<p>IEC 63182-6:2025 Magnetic powder cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 6: EQ-cores Pages: 11</p>	<p>IEC 63437:2025 PRV Off grid and unreliable grid refrigerating appliances for domestic and light commercial use - Characteristics and test methods - Performance requirements and energy consumption Pages: 70</p>	<p>Replaces: IEC/IEEE 60079-30-2:2015 IEC/IEEE 60079-30-2:2025 Explosive atmospheres - Part 30-2: Electrical resistance trace heating - Guidance on application for design, installation and maintenance Pages: 73</p>
<p>IEC 63182-7:2025 Magnetic powder cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 7: EER-cores Pages: 11</p>	<p>IEC 63445:2025 System referencing conductor switching device Pages: 155</p>	<p>IEC/IEEE 62704-2:2017+AMD1:2025 CSV Determining the peak spatial-average specific absorption rate (SAR) in the human body from wireless communications devices, 30 MHz to 6 GHz – Part 2: Specific requirements for finite difference time domain (FDTD) modelling of exposure from vehicle mounted antennas Pages: 106</p>
<p>IEC 63182-8:2025 Magnetic powder cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 8: U-cores Pages: 10</p>	<p>IEC 63466-1:2025 PRV Leaky waveguides - Part 1: Generic specification - General requirements and test methods Pages: 38</p>	<p>IEC/IEEE 62704-2:2017/AMD1:2025 Amendment 1 - Determining the peak spatial-average specific absorption rate (SAR) in the human body from wireless communications devices, 30 MHz to 6 GHz – Part 2: Specific requirements for finite difference time domain (FDTD) modelling of exposure from vehicle mounted antennas Pages: 6</p>
<p>IEC SRD 63301-2:2025 Smart city use case collection and analysis - Water systems in smart cities - Part 2 : Use case analysis Pages: 40</p>	<p>IEC PAS 63595:2025 Industrial networks - 5G communication technology - General considerations Pages: 74</p>	<p>ISO/IEC 6048-1:2025 Information technology - JPEG AI learning-based image coding system - Part 1: Core coding system</p>
<p>IEC SRD 63302-2:2025 Smart city use case collection and analysis - Intelligent operations centre for smart cities - Part 2 : Use case analysis Pages: 52</p>	<p>IEC/IEEE 60079-30-1:2025 RLV Explosive atmospheres - Part 30-1: Electrical resistance trace heating - General and testing requirements Pages: 167</p>	<p>IEC/IEEE 60079-30-1:2025 Explosive atmospheres - Part 30-1: Electrical resistance trace heating - General and testing requirements Pages: 77</p>
<p>IEC 63349-1:2025 PRV Photovoltaic direct-driven appliance controllers - Part 1: General requirements Pages: 31</p>	<p>Replaces: IEC/IEEE 60079-30-1:2015 IEC/IEEE 60079-30-2:2025 RLV</p>	<p>IEC TR 63431:2025</p>

Pages: 95

ISO/IEC TS 6254:2025

Information technology - Artificial intelligence - Objectives and approaches for explainability and interpretability of machine learning (ML) models and artificial intelligence (AI) systems

Pages: 69

ISO/IEC 6523-2:2025

Information technology - Structure for the identification of organizations and organization parts - Part 2: Registration of organization identification schemes

Pages: 9

ISO/IEC 7818:2025

Information technology - User interfaces - Framework of voice user interfaces for personal mobility services

Pages: 8

ISO/IEC TS 8236-1:2025

Information technology - Provisioning, forecasting and management - Part 1: Data centre IT equipment

Pages: 55

ISO/IEC TS 8236-2:2025

Information technology - Provisioning, forecasting and management - Part 2: Data centre facility infrastructure

Pages: 51

ISO/IEC TS 11801-9903:2025

Information technology - Generic cabling for customer premises - Part 9903: Modelling of channels and links

Pages: 56

ISO/IEC 19823-11:2025

Information technology - Conformance test methods for security service crypto suites - Part 11: Crypto suite PRESENT-80

Pages: 10

ISO/IEC TR 21221:2025

Information technology - Artificial intelligence - Beneficial AI systems

Pages: 25

ISO/IEC 23001-

11:2023/AMD2:2025

Information technology - MPEG systems technologies - Part 11: Energy-efficient media consumption (green metadata) - Amendment 2: Energy-efficient media consumption for new display power reduction metadata

Pages: 51

ISO/IEC 23090-12:2025

Information technology - Coded representation of immersive media - Part 12: MPEG immersive video

Pages: 106

Replaces: ISO/IEC 23090-12:2023

ISO/IEC 23955:2025

Information technology - 3D printing and scanning - Technical requirements for product data protection of an additive manufacturing service platform (AMSP)

Pages: 9

ISO/IEC 24760-1:2025

Information security, cybersecurity and privacy protection - A framework for identity management - Part 1: Core concepts and terminology

Pages: 23

Replaces: ISO/IEC 24760-1:2019/AMD1:2023

ISO/IEC 24760-2:2025

Information security, cybersecurity and privacy protection - A framework for identity management - Part 2: Reference architecture and requirements

Pages: 46

Replaces: ISO/IEC 24760-2:2015

ISO/IEC 24760-3:2025

Information security, cybersecurity and privacy protection - A framework for identity management - Part 3: Practice

Pages: 31

Replaces: ISO/IEC 24760-3:2016/AMD1:2023

ISO/IEC TS 27564:2025

Privacy protection - Guidance on the use of models for privacy engineering

Pages: 32

ISO/IEC 29110-3-

2:2018/AMD1:2025

Systems and software engineering - Lifecycle profiles for Very Small Entities (VSEs) - Part 3-2: Conformity certification scheme - Amendment 1: Removal of requirement for 3-year recertification

Pages: 1

ISO/IEC 29110-5-4:2025

Systems and software engineering - Life cycle profiles for very small entities (VSEs) - Part 5-4: Agile software development guidelines

Pages: 73

ISO/IEC 29167-11:2025

Information technology - Automatic identification and data capture techniques - Part 11: Crypto suite PRESENT-80 security services for air interface communications

Pages: 27

Replaces: ISO/IEC 29167-11:2023

ISO/IEC 29168-2:2025

Information technology - Open systems interconnection - Part 2: Procedures for the object identifier resolution system operational agency

Pages: 8

ISO/IEC 40500:2025

Information technology - W3C Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.2

Pages: 72

Replaces: ISO/IEC 40500:2012

ISO/IEC/IEEE 8802-15-7:2025

Information technology - Telecommunications and information exchange between systems - Local and metropolitan area networks - Specific requirements - Part 15-7: Short-range optical wireless communications

Pages: 390

ISO/IEC/IEEE 8802-1Q:2024/AMD38:2025

Telecommunications and exchange between information technology systems - Requirements for local and metropolitan area networks - Part 1Q: Bridges and bridged networks - Amendment 38: Configuration enhancements for time-sensitive networking

Pages: 42

Replaces: ISO/IEC/IEEE 8802-1Q:2020/AMD31:2021

ISO/IEC/IEEE 8802-1DC:2025

Telecommunications and exchange between information technology systems - Requirements for local and metropolitan area networks - Part 1DC: Quality of service provision by network systems

Pages: 41

❖ **TIÊU CHUẨN BS**

BS EN ISO 4491-3:2025

Metallic powders.

Determination of oxygen content by reduction methods - Hydrogen-reducible oxygen

BS ISO 25131:2025

Hardware for furniture.

Strength and durability of hinges and their components. Stays and hinges pivoting on a horizontal axis

BS EN 14069:2025

Liming materials.

Denominations, specifications and labelling

Replace: BS EN 14069:2017

BS EN 18103:2025

Inorganic fertilizers.

Determination of nutrient polymers nitrogen in the presence of other nitrogenous forms

BS EN 15316-5:2025

Energy performance of buildings. Method for calculation of system energy requirements and system efficiencies - Space heating and DHW storage systems (not cooling), Module M3-7, M8-7

BS EN 12944-3:2025

Fertilizers, liming materials and inhibitors. Vocabulary - Terms relating to liming materials

Replace: BS EN 12944-3:2019

BS EN 15991:2025

Testing of ceramic raw materials and ceramic materials. Direct determination of mass fractions of impurities in powders and granules of silicon carbide by inductively coupled plasma optical emission spectrometry with

electrothermal vaporisation (ETV-ICP-OES)

Replace: BS EN 15991:2015

BS EN 15979:2025

Testing of ceramic raw materials and ceramic materials. Direct determination of mass fractions of impurities in powders and granules of silicon carbide by optical emission spectrometry by direct current arc excitation (DCArc-OES)

BS EN ISO 3095:2025

Railway applications. Acoustics. Measurement of noise emitted by railbound vehicles

BS ISO/IEC 29110-5-4:2025

Systems and software engineering. Life cycle profiles for very small entities (VSEs) - Agile software development guidelines

BS EN ISO 8559-2:2025

Size designation of clothes - Primary and secondary dimension indicators

BS EN ISO 11680:2025

Machinery for forestry. Safety requirements and testing for

portable pole mounted powered pruners Replace: BS EN ISO 11680-2:2021 BS EN ISO 16965:2025 Environmental solid matrices. Determination of elements using inductively coupled plasma mass spectrometry (ICP-MS) BS EN ISO/IEC 19788-1:2025 Information technology for learning, education and training — Metadata for learning resources - Part 1: Framework BS EN IEC 60704-2-3:2025 Household and similar electrical appliances. Test code for the determination of airborne acoustical noise - Particular requirements for dishwashers Replace: BS EN 60704-2-3:2019 BS ISO 18731:2025 Spices and condiments. Seasoning oil of Zanthoxyli pericarpium. Specification BS EN ISO 15382:2025 Radiological protection. Procedures for monitoring the dose to the lens of the eye, the skin and the extremities BS EN 12369-2:2025 Wood-based panels. Characteristic values for structural design - Plywood Replace: BS EN 12369-2:2011 BS EN 14206:2025 Inland navigation vessels. Gangways for passenger vessels. Requirements, tests BS EN IEC 60947-5-7:2025 Low-voltage switchgear and controlgear - Control circuit devices and switching elements.	Proximity devices with analogue output Replace: BS EN 60947-5-7:2003 BS EN ISO 5832-2:2025 Implants for surgery. Metallic materials - Unalloyed titanium Replace: BS EN ISO 5832-2:2018 BS EN IEC 60079-19:2025 Explosive atmospheres - Equipment repair, overhaul and reclamation Replace: BS EN IEC 60079-19:2019 BS EN 15843:2025 Water quality. Guidance standard on determining the degree of modification of river hydromorphology BS EN ISO 16484-4:2025 Building automation and control systems (BACS) - Control applications BS ISO 24600:2025 Essential oil of roman chamomile [Chamaemelum nobile (L.) All. syn. Anthemis nobilis L.] BS ISO 23873:2025 Hard coal. Method for the measurement of the swelling properties using a dilatometer BS ISO 5092:2025 Additive manufacturing for medical. General principles. Additive manufacturing of non-active implants BS EN IEC 63380-3:2025 Standard interface for connecting charging stations to local energy management systems - Communication protocol and cybersecurity specific aspects BS ISO 11886:2025	Drilling and foundation machinery. Soil or soil and rock mixture drilling and foundation machines. Commercial specifications BS EN IEC 62007-2:2025 Semiconductor optoelectronic devices for fibre optic system applications - Measuring methods Replace: BS EN 62007-2:2009 BS EN ISO/IEC 19788-1:2025 Information technology for learning, education and training — Metadata for learning resources - Part 1: Framework Replace: BS EN IEC 60794-1-119:2025 Optical fibre cables - Generic specification. Basic optical cable test procedures. Mechanical tests methods. Aeolian vibration, Method E19 BS ISO 16481:2025 Sustainable mobility and transportation. Digital governance. Strategic needs regarding ISO 37101 purposes of sustainability BS ISO 3054:2025 Essential oil of lavandin Abrial (Lavandula x intermedia Emeric ex Loisel. 'abrial') (ex Lavandula angustifolia Mill. x Lavandula latifolia Medik. 'abrial') BS EN IEC 55012:2025 Vehicles, boats and devices with internal combustion engines or traction batteries. Radio disturbance characteristics. Limits and methods of measurement for the protection of off-board receivers Replace: BS EN 55012:2007+A1:2009
---	---	---

BS EN ISO 15614-2:2025

Specification and qualification of welding procedures for metallic materials. Welding procedure test - Arc welding of aluminium and its alloys

Replace:

BS EN ISO 15614-2:2005

BS EN ISO 10993-12:2021+A1:2025

Biological evaluation of medical devices - Sample preparation and reference materials

Replace: BS EN ISO 10993-12:2012

BS EN IEC 63119-1:2025

Information exchange for electric vehicle charging roaming service - General

BS ISO/IEC 29168-2:2025

Information technology. Open systems interconnection - Procedures for the object identifier resolution system operational agency

BS EN 15004-2:2025

Fixed firefighting systems. Gas extinguishing systems - Physical properties and system design of gas extinguishing systems for FK-5-1-12 extinguishant

Replace: BS EN 15004-2:2020

BS ISO 10820:2025

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics). Ultraviolet irradiation equipment using UV-A LEDs and optical radiometry for performance test of semiconducting photocatalytic materials

BS EN ISO 7730:2025

Ergonomics of the thermal environment. Analytical determination and

interpretation of thermal comfort using calculation of the PMV and PPD indices and local thermal comfort criteria

Replace: BS EN ISO 7730:2005

BS ISO 8202:2025

Road vehicles. Box task and detection response task to measure visual-manual and cognitive demand

BS ISO 24427:2025

Radiological protection. Medical proton accelerators.

Requirements and recommendations for shielding design and evaluation

BS ISO 13381-1:2025

Condition monitoring and diagnostics of machine systems. Prognostics - General guidelines and requirements

Replace: BS ISO 13381-1:2015

BS EN 4727:2025

Aerospace series. Standardized passenger seat weight information

Replace: BS EN 4727:2017

BS EN ISO 17730:2025

Dentistry. Fluoride varnishes

Replace: BS EN ISO 17730:2020

BS EN IEC 60931-2:2025

Shunt power capacitors of the non-self-healing type for AC systems having a rated voltage up to and including 1 000 V - Ageing test and destruction test

Replace: BS EN 60931-2:1996

BS EN 4727:2025

Aerospace series. Standardized passenger seat weight information

Replace: BS EN 4727:2017

BS EN IEC 63489:2025

Common data concepts for smart manufacturing

BS EN 12369-1:2025

Wood-based panels.

Characteristic values for structural design - OSB, particleboards and fibreboards

BS ISO 6366:2025

Non-destructive testing. Leak testing. Radioactive tracer methods for pressured vessels and underground pipelines

BS EN ISO 17662:2025

Welding. Calibration, verification and validation of equipment used for welding, including ancillary activities

Replace: BS EN ISO 17662:2016

BS ISO 24516-

1:2016+A1:2025
Guidelines for the management of assets of water supply and wastewater systems - Drinking water distribution networks

BS EN ISO 15192:2025

Soil and waste. Determination of chromium(VI) in solid material by alkaline digestion and ion chromatography with spectrophotometric detection

Replace: BS EN ISO 15192:2021

BS EN 1995-1-2:2025

Eurocode 5. Design of timber structures - Structural fire design

Replace: BS EN 1995-1-2:2004

BS EN ISO 27269:2025

Health informatics. International patient summary

BS IEC/IEEE 62704-2:2017+A1:2025

Determining the peak spatial-average specific absorption rate (SAR) in the human body from wireless communications devices, 30 MHz to 6 GHz -

Specific requirements for finite difference time domain (FDTD) modelling of exposure from vehicle mounted antennas BS EN ISO 21254-1:2025 Lasers and laser-related equipment. Test methods for laser-induced damage threshold - Definitions and general principles Replace:BS EN ISO 21254-1:2011 BS EN IEC 60112:2025 Method for the determination of the proof and the comparative tracking indices of solid insulating materials Replace:BS EN IEC 60112:2020 BS EN ISO 13916:2025 Welding. Measurement of preheating temperature, interpass temperature and preheat maintenance temperature Replace:BS EN ISO 13916:2017 BS EN 3532:2025 Aerospace series. Steel X2NiCoMo18-8-5 (1.6359). Vacuum induction melted and vacuum arc remelted. Solution treated and precipitation treated. Plates. $6 \text{ mm} < a \leq 40 \text{ mm}$. $1\ 750 \text{ MPa} \leq R_m \leq 2\ 000 \text{ MPa}$ BS EN 3531:2025 Aerospace series. Steel X2NiCoMo18-8-5 (1.6359). Vacuum induction melted and vacuum arc remelted. Solution treated and precipitation treated. Sheets and strips. $a \geq 6 \text{ mm}$. $1\ 750 \text{ MPa} \leq R_m \leq 2\ 000 \text{ MPa}$ BS EN 3490:2025	Aerospace series. Steel X15CrNi17-3 (1.4057). Air melted. Hardened and tempered. Bars for machining. $De \leq 200 \text{ mm}$. $900 \text{ MPa} \leq R_m \leq 1\ 100 \text{ MPa}$ BS EN 3359:2025 Aerospace series. Steel X3CrNiMoAl13-8-2 (1.4534). Vacuum induction melted and consumable electrode remelted. Softened. Forging stocks. $a \text{ or } D \leq 300 \text{ mm}$ BS EN 3365:2025 Aerospace series. Steel X15CrNi17-3 (1.4057). Air melted. Softened. Forging stock. $a \text{ or } D \leq 300 \text{ mm}$ BS EN 3527:2025 Aerospace series. Steel 33CrMoV12 (1.8522). Air melted. Softened. Forging stock. $a \text{ or } D \leq 300 \text{ mm}$ BS ISO 37009:2025 Conflict of interest in organizations. Guidance BS EN 1998-3:2025 Eurocode 8. Design of structures for earthquake resistance - Assessment and retrofitting of buildings and bridges Replace:BS EN 1998-3:2005 BS EN IEC 63380-2:2025 Standard interface for connecting charging stations to local energy management systems - Specific data model mapping BS EN IEC 62488-1:2025 Power line communication systems for power utility applications - Planning of analogue and digital power line carrier systems operating over HV electricity grids	BS EN IEC 60300-3-10:2025 Dependability management - Application guide. Maintainability and maintenance BS EN IEC 60601-2-83:2020+A1:2025 Medical electrical equipment - Particular requirements for the basic safety and essential performance of home light therapy equipment BS EN ISO 15382:2025 Radiological protection. Procedures for monitoring the dose to the lens of the eye, the skin and the extremities BS ISO/IEC 9594-11:2025 Information technology. Open systems interconnection directory - Protocol specifications for secure operations BS EN 18110:2025 Water quality. Assessment of damage to fish passing through pumping stations and hydropower plants. Methods based on live fish passage survival test and blade strike model BS EN 61850-10:2013+A1:2025 Communication networks and systems for power utility automation - Conformance testing Replace: BS EN 61850-10:2013 BS EN IEC 60721-3-6:2025 Classification of environmental conditions - Classification of groups of environmental parameters and their severities. Ship environment
---	---	---

<p>BS EN 60404-1:2017+A1:2025 Magnetic materials - Classification Replace: BS EN 60404-1:2017</p> <p>BS EN IEC 63522-30:2025 Electrical relays. Tests and measurements - Contact sticking (delayed release)</p> <p>BS EN IEC 62909-1:2025 Bi-directional grid-connected power converters - General and safety requirements</p> <p>BS EN IEC 60068-3-14:2025 Environmental testing - Supporting documentation and guidance. Developing a climatic sequential test</p> <p>BS EN ISO 15363:2025 Metallic materials. Tube ring hydraulic pressure test</p> <p>BS EN IEC 61300-2-5:2022+A1:2025 Fibre optic interconnecting devices and passive components. Basic test and measurement procedures - Tests — Torsion Replace: BS EN IEC 61300-2-5:2022</p> <p>BS ISO 16681:2025 Ships and marine technology — Pilot transfer arrangements — Ship hull securing equipment</p> <p>BS EN IEC 63322:2025 Security of ME equipment containing high-activity sealed radioactive sources</p> <p>BS EN ISO 27913:2025 Carbon dioxide capture, transportation and geological storage. Pipeline transportation systems</p> <p>BS EN ISO 19905-1:2023+A1:2025</p>	<p>Oil and gas industries including lower carbon energy. Site-specific assessment of mobile offshore units - Jack-ups: elevated at a site Replace: BS EN ISO 19905-1:2016</p> <p>BS ISO 22412:2025 Particle size analysis. Dynamic light scattering (DLS) Replace: BS ISO 22412:2017</p> <p>BS ISO 11901-2:2025 Tools for pressing. Gas springs - Specification of accessories Replace: BS ISO 11901-2:2018</p> <p>BS ISO 11352:2025 Water quality. Estimation of measurement uncertainty based on validation and quality control data</p> <p>BS EN ISO 8754:2025 Petroleum products. Determination of sulfur content. Energy-dispersive X-ray fluorescence spectrometry Replace: BS EN ISO 8754:2003</p> <p>BS IEC 62608-1:2025 Multimedia home network configuration. Basic reference model - System model</p> <p>BS ISO 15592-2:2025 Fine-cut tobacco and smoking articles made from it. Methods of sampling, conditioning and analysis - Atmosphere for conditioning and testing</p> <p>BS ISO 10786:2025 Space systems. Structural components and assemblies</p> <p>BS ISO 4582:2025 Plastics. Determination of changes in colour and variations in properties after exposure to glass-filtered solar radiation,</p>	<p>natural weathering or laboratory radiation sources Replace: BS ISO 4582:2017</p> <p>BS EN 13892-9:2025 Methods of test for screed materials - Dimensional stability</p> <p>BS EN IEC 63297:2025 Sensing devices for non-intrusive load monitoring (NILM) systems</p> <p>BS EN 4912:2025 Aerospace series. ECO efficiency of seats</p> <p>BS EN ISO 11465:2025 Sludge and solid environmental matrices. Determination of dry residue or water content and calculation of the dry matter fraction on a mass basis</p> <p>BS EN ISO/ASTM 52919:2025 Additive manufacturing. Qualification principles. Test methods for metal casting sand moulds</p> <p>BS EN 10378:2025 Welded stainless steel square and rectangular tubes for mechanical and structural engineering and decorative use. Technical delivery conditions</p> <p>BS EN ISO 11431:2025 Building and civil engineering sealants. Determination of adhesion and cohesion properties of sealants after exposure to heat, water and artificial light through glass Replace: BS EN ISO 11431:2002</p> <p>BS EN 16726:2025 Gas infrastructure. Quality of gas. Group H Replace: 75</p> <p>BS EN ISO/ASTM 52919:2025 Additive manufacturing. Qualification principles. Test</p>
--	---	---

methods for metal casting sand moulds

BS EN 10378:2025

Welded stainless steel square and rectangular tubes for mechanical and structural engineering and decorative use. Technical delivery conditions

BS EN ISO 11431:2025

Building and civil engineering sealants. Determination of adhesion and cohesion properties of sealants after exposure to heat, water and artificial light through glass
Replace: BS EN ISO 11431:2002

BS EN 16726:2025

Gas infrastructure. Quality of gas. Group H

Replace: BS EN 16726:2015+A1:2018

BS ISO 4211-6:2025

Furniture. Tests for surface finishes - Assessment of resistance to scratching

BS EN ISO 11265:2025

Environmental solid matrices. Determination of the specific electrical conductivity

BS EN ISO 13670:2025

Fasteners. Reverse-taper grooved pins. One quarter-length progressive grooves on both sides

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

ASTM C1910/C1910M-25

Standard Test Methods for Cements that Require Carbonation Curing
Pages: 5

Replace:

ASTM C1910/C1910M-24

ASTM D2513-25

Standard Specification for Polyethylene (PE) Gas Pressure Pipe, Tubing, and Fittings

Pages: 17

Replace: ASTM D2513-24e1

ASTM D3631-25

Standard Test Methods for Measuring Surface Atmospheric Pressure

Pages: 06

Replace:

ASTM D3631-99(2017)

ASTM D4444-25

Standard Test Method for Laboratory Standardization and Calibration of Hand-Held Moisture Meters

Pages: 10

Replace:

ASTM D4444-13(2018)

ASTM D7911-25

Standard Guide for Using Reference Material to Characterize Measurement Bias Associated with Volatile Organic Compound Emission Chamber Test

Pages: 8

Replace: ASTM D7911-19

ASTM D8625-25

Standard Test Method for Chemical Assessment of Air Cleaning Technologies

Pages: 21

ASTM E1007-25

Standard Test Method for Field Measurement of Tapping Machine Impact Sound Transmission Through Floor-Ceiling Assemblies and Associated Support Structures

Pages: 12

Replace: ASTM E1007-21

ASTM E3069-19a(2025)

Standard Guide for Evaluation and Rehabilitation of Mass Masonry Walls for Changes to Thermal and Moisture Properties of the Wall

Pages: 7

Replace: ASTM E3069-19a

ASTM E336-25

Standard Test Method for Measurement of Airborne Sound Attenuation between Rooms in Buildings

Pages: 22

Replace: ASTM E336-24

ASTM E3412-25

Standard Guide to Design, Conduct, and Analyze Sensory and Instrumental Data Relationships

Pages: 11

ASTM E3464-25

Standard Guide for Performance Qualification (PQ) Dose Mapping in Gamma Irradiation Processing Facilities

Pages: 15

ASTM F1061-08(2025)

Standard Specification for Ski Binding Test Devices

Pages: 3

Replace: ASTM F1061-08(2020)

ASTM F1062-97(2025)

Standard Test Method for Verification of Ski Binding Test Devices

Pages: 4

Replace: ASTM F1062-97(2018)

ASTM F1854-25

Standard Test Method for Stereological Evaluation of Porous Coatings on Medical Implants Using Digital Images

Pages: 9

<p>Replace: ASTM F1854-15 ASTM F2623-25 Standard Specification for Polyethylene of Raised Temperature (PE-RT) Systems for Non-Potable Water Applications Pages: 12 Replace: ASTM F2623-24e1 ASTM F3532-25 Standard Practice for Protection of Aircraft Systems from Intentional Unauthorized Electronic Interactions Pages: 21 Replace: ASTM F3532-23 ASTM F857-25 Standard Specification for Hot Water and Chemical Sanitizing Commercial Dishwashing Machines, Stationary Rack Type Pages: 6 Replace: ASTM F857-17 ASTM G2/G2M-25 Standard Test Method for Corrosion Testing of Products of Zirconium, Hafnium, and Their Alloys in Water at 680 °F [360 °C] or in Steam at 750 °F [400 °C] Pages: 8 Replace: ASTM G2/G2M-19 ASTM C1745/C1745M-25 Standard Test Method for Measurement of Hydraulic Characteristics of Hydrodynamic Stormwater Separators and Underground Settling Devices Pages: 3 Replace: ASTM C1745/C1745M-24 ASTM C1877-25</p>	<p>Standard Specification for Dry-Cast Adhered Concrete Masonry Units Pages: 3 Replace: ASTM C1877-24 ASTM C67/C67M-25 Standard Test Methods for Sampling and Testing Brick and Structural Clay Tile Pages: 20 Replace: ASTM C67/C67M-24 ASTM D1248-25 Standard Specification for Polyethylene Plastics Extrusion Materials for Wire and Cable Pages: 9 Replace: ASTM D1248-16 ASTM D3957-09(2025) Standard Practices for Establishing Stress Grades for Structural Members Used in Log Buildings Pages: 7 Replace: ASTM D3957-09(2020) ASTM D4203-25 Standard Classification System for and Basis for Specifications for Styrene-Acrylonitrile (SAN) Molding and Extrusion Materials Pages: 8 Replace: ASTM D4203-17 ASTM D4442-20(2025) Standard Test Methods for Direct Moisture Content Measurement of Wood and Wood-Based Materials Pages: 5 Replace: ASTM D4442-20 ASTM D5422-25 Standard Test Method for Measurement of Properties of Thermoplastic Materials by</p>	<p>Screw-Extrusion Capillary Rheometer Pages: 7 Replace: ASTM D5422-17 ASTM D5923-25 Standard Guide for Selection of Kriging Methods in Geostatistical Site Investigations Pages: 4 Replace: ASTM D5923-18 ASTM D5930-25 Standard Test Method for Thermal Conductivity of Plastics by Transient Line-Source Technique Pages: 5 Replace: ASTM D5930-17 ASTM D7046-25 Standard Guide for Use of the Metal Detection Method for Subsurface Site Investigations Pages: 9 Replace: ASTM D7046-11 ASTM D8151-25 Standard Practice for Obtaining Rainfall Runoff from Unvegetated Rolled and Hydraulic Erosion Control Products (RECPs and HECPs) for Acute Ecotoxicity Testing Pages: 9 Replace: ASTM D8151-19e1 ASTM D8527-25 Standard Test Method for Assessment of Fungal Biomass on Surfaces or Coatings by Measuring Fungal β-N-acetylhexosaminidase (NAHA) Activity Pages: 8 ASTM E1592-25 Standard Test Method for Structural Performance of Sheet Metal Roof and Siding Systems</p>
---	--	---

by Uniform Static Air Pressure Difference Pages: 8 Replace: ASTM E1592-05(2017) ASTM E1748-25 Standard Test Method for Evaluating the Engagement Between Windows and Insect Screens as an Integral System Pages: 3 Replace: ASTM E1748-95(2017) ASTM E1925-25 Specification for Engineering and Design Criteria for Rigid Wall Relocatable Structures Pages: 13 Replace: ASTM E1925-18 ASTM E2126-25 Standard Test Methods for Cyclic (Reversed) Load Test for Shear Resistance of Vertical Elements of the Lateral Force Resisting Systems for Buildings Pages: 16 Replace: ASTM E2126-19 ASTM E3153-25 Standard Practice for Development of Multi-attribute Sustainability Standards for Building Products Pages: 5 ASTM E3317-25 Standard Specification for Silica-Based Sediments for the Evaluation of Stormwater Treatment Devices Pages: 3 Replace: ASTM E3317-22 ASTM F3066/F3066M-25 Standard Specification for Aircraft Powerplant Installation Hazard Mitigation Pages: 8 Replace:	ASTM F3066/F3066M-23 ASTM F3272-25 Standard Guide for Selection, Care, and Use of Arc Protective Blankets Pages: 11 Replace: ASTM F3272-18 ASTM C1956-25 Standard Test Method for Laminated Glass Edges when in Contact with Sealants and Glazing Tapes Pages: 6 ASTM C429-21(2025) Standard Test Method for Sieve Analysis of Raw Materials for Glass Manufacture Pages: 8 Replace: ASTM C429-21 ASTM D2402-07(2025)e1 Standard Test Method for Water Retention of Textile Fibers (Centrifuge Procedure) Pages: 4 Replace: ASTM D2402-07(2018) ASTM D5199-25 Standard Test Methods for Measuring the Nominal Thickness of Geosynthetics Pages: 4 Replace: ASTM D5199-12(2019) ASTM D6782-19(2025) Standard Test Methods for Standardization and Calibration of In-Line Dry Lumber Moisture Meters Pages: 22 Replace: ASTM D6782-19 ASTM D7438-20(2025) Standard Practice for Field Calibration and Application of Hand-Held Moisture Meters Pages: 10	Replace: ASTM D7438-20 ASTM D8186-25 Standard Test Method for Measurement of Impurities in Graphite by Electrothermal Vaporization Inductively Coupled Plasma Optical Emission Spectrometry (ETV-ICP-OES) Pages: 11 Replace: ASTM D8186-18 ASTM E1958-25 Standard Guide for Sensory Claim Substantiation Pages: 36 Replace: ASTM E1958-22 ASTM A1124/A1124M-25 Standard Specification for Textured Epoxy-Coated Steel Reinforcing Bars Pages: 9 Replace: ASTM A1124/A1124M-24 ASTM A146-04(2025) Standard Specification for Molybdenum Oxide Products Pages: 2 Replace: ASTM A146-04(2019) ASTM A323-05(2025) Standard Specification for Ferroboron Pages: 2 Replace: ASTM A323-05(2020) ASTM A480/A480M-25b Standard Specification for General Requirements for Flat-Rolled Stainless and Heat-Resisting Steel Plate, Sheet, and Strip Pages: 26 Replace: ASTM A480/A480M-25a ASTM A481-05(2025) Standard Specification for Chromium Metal
---	---	--

Pages: 3	ASTM A675/A675M-14(2025)	Standard Test Method for Dielectric Breakdown Voltage and Dielectric Strength of Solid Electrical Insulating Materials at Commercial Power Frequencies
Replace: ASTM A481-05(2020)	Standard Specification for Steel Bars, Carbon, Hot-Wrought, Special Quality, Mechanical Properties	Pages: 13
ASTM A482/A482M-11(2025)	Pages: 4	Replace: ASTM D149-20
Standard Specification for Ferrochrome-Silicon	Replace: ASTM A675/A675M-14(2019)	ASTM D1882-17(2025)
Pages: 3	ASTM A736/A736M-25	Standard Test Method for Effect of Cooling System Chemical Solutions on Organic Finishes for Automotive Vehicles
Replace: ASTM A482/A482M-11(2021)	Standard Specification for Pressure Vessel Plates, Low-Carbon Age-Hardening Nickel-Copper-Chromium-Molybdenum-Columbium (Niobium) Alloy Steel	Pages: 2
ASTM A483/A483M-10(2025)	Pages: 3	Replace:
Standard Specification for Silicomanganese	Replace: ASTM A736/A736M-17	ASTM D1882-17(2021)
Pages: 2	ASTM A835/A835M-10(2025)	ASTM D2758-25
Replace: ASTM A483/A483M-10(2020)	Standard Specification for Sizes of Ferroalloys and Alloy Additives	Standard Test Method for Engine Coolants by Engine Dynamometer
ASTM A495-06(2025)	Pages: 3	Pages: 8
Standard Specification for Calcium-Silicon Alloys	Replace: ASTM A835/A835M-10(2020)	Replace:
Pages: 2	ASTM A922-05(2025)	ASTM D2758-94(2009)
Replace: ASTM A495-06(2020)	Standard Specification for Silicon Metal	ASTM D351-18(2025)
ASTM A542/A542M-25	Pages: 2	Standard Classification for Natural Muscovite Block Mica and Thins Based on Visual Quality
Standard Specification for Pressure Vessel Plates, Alloy Steel, Quenched-and-Tempered, Chromium-Molybdenum, and Chromium-Molybdenum-Vanadium	Replace: ASTM A922-05(2020)	Pages: 7
Pages: 5	ASTM C1052-20(2025)	Replace: ASTM D351-18
Replace:	Standard Practice for Bulk Sampling of Liquid Uranium Hexafluoride	ASTM D6151-25
ASTM A542/A542M-19	Pages: 4	Standard Practice for Using Hollow-Stem Augers for Geotechnical Exploration and Soil Sampling
ASTM A550-16(2025)	Replace: ASTM C1052-20	Pages: 15
Standard Specification for Ferrocolumbium (Ferroniobium)	ASTM D1230-25	Replace:
Pages: 3	Standard Test Method for Flammability of Apparel Textiles	ASTM D6151/D6151M-15
Replace: ASTM A550-16(2021)	Pages: 16	ASTM D6831-25
ASTM A601/A601M-10(2025)	Replace: ASTM D1230-22a	Standard Test Method for Sampling and Determining Particulate Matter in Stack Gases Using an In-Stack, Inertial Microbalance
Standard Specification for Electrolytic Manganese Metal	ASTM D149-25	Pages: 18
Pages: 2		Replace:
Replace: ASTM A601/A601M-10(2020)		

ASTM D6831-11(2018) ASTM D7269/D7269M-25 Standard Test Methods for Tensile Testing of Aramid Yarns Pages: 25 Replace: ASTM D7269/D7269M-20 ASTM D748-18(2025) Standard Specification for Natural Block Mica and Mica Films Suitable for Use in Fixed Mica-Dielectric Capacitors Pages: 9 Replace: ASTM D748-18 ASTM D7746-21(2025) Standard Practice for Calculating the Superimposed Load on Wood-frame Floor- Ceiling Assemblies for Standard Fire-Resistance Tests Pages: 5 Replace: ASTM D7746-21 ASTM D8621-25e1 Standard Test Methods for Recovered Carbon Black—Ash Content Pages: 2 Replace: ASTM D8621-25 ASTM E2914/E2914M-25 Standard Practice for Ultrasonic Extraction of Lead from Composited Wipe Samples Pages: 5 Replace: ASTM E2914/E2914M-21 ASTM E298-25 Standard Test Methods for Assay of Organic Peroxides Pages: 7 Replace: ASTM E298-17a ASTM E981-25 Standard Test Method for Estimating Sensory Irritancy of Airborne Chemicals Pages: 14	Replace: ASTM E981-19 ASTM F1926/F1926M-25 Standard Test Method for Dissolution Testing of Calcium Phosphate Granules, Fabricated Forms, and Coatings Pages: 5 Replace: ASTM F1926/F1926M- 14(2021) ASTM F2752-25 Standard Guide for Training for Basic Rope Rescuer Endorsement Pages: 4 Replace: ASTM F2752-19 ASTM F2794-25 Standard Guide for Training of a Mounted Search Team Pages: 4 Replace: ASTM F2794-09(2020) ASTM F2848-25 Standard Specification for Medical-Grade Ultra-High- Molecular-Weight Polyethylene Yarns Pages: 6 Replace: ASTM F2848-21 ASTM A884/A884M-25 Standard Specification for Epoxy-Coated Steel Wire and Welded Wire Reinforcement Pages: 6 Replace: ASTM A884/A884M-19e1 ASTM B406-96(2025) Standard Test Method for Transverse Rupture Strength of Cemented Carbides Pages: 3 Replace: ASTM B406-96(2021) ASTM B771-11(2025) Standard Test Method for Short Rod Fracture Toughness of Cemented Carbides Pages: 8	Replace: ASTM B771-11(2021) ASTM B859-21(2025) Standard Practice for De- Agglomeration of Refractory Metal Powders and Their Compounds Prior to Particle Size Analysis Pages: 6 Replace: ASTM B859-21 ASTM B934-21(2025) Standard Test Method for Effective Case Depth of Ferrous Powder Metallurgy (PM) Parts Using Microindentation Hardness Measurements Pages: 4 Replace: ASTM B934-21 ASTM B939-21(2025) Standard Test Method for Radial Crushing Strength, K, of Powder Metallurgy (PM) Bearings and Structural Materials Pages: 4 Replace: ASTM B939-21 ASTM D1452/D1452M-25 Standard Practice for Soil Exploration and Sampling by Auger Borings Pages: 7 Replace: ASTM D1452/D1452M-24 ASTM D1711-25 Standard Terminology Relating to Electrical Insulation Pages: 11 Replace: ASTM D1711-24b ASTM D3376-18(2025) Standard Test Methods of Sampling and Testing Pulps to be Used in the Manufacture of Electrical Insulation Pages: 10 Replace: ASTM D3376-18 ASTM D3850-25
---	---	--

Standard Test Method for Rapid Thermal Degradation of Solid Electrical Insulating Materials By Thermogravimetric Method (TGA) Pages: 5 Replace: ASTM D3850-19	ASTM D6316-25 Standard Test Method for Determination of Total, Combustible and Carbonate Carbon in Solid Residues from Coal and Coke Pages: 6 Replace: ASTM D6316-17	ASTM E1234-12(2025) Standard Practice for Handling, Transporting, and Installing Nonvolatile Residue (NVR) Sample Plates Used in Environmentally Controlled Areas for Spacecraft Pages: 6 Replace: ASTM E1234-12(2020)
ASTM D4880-18(2025) Standard Test Method for Salt Water Proofness of Insulating Varnishes Over Enamelled Magnet Wire Pages: 3 Replace: ASTM D4880-18	ASTM D6343-14(2025) Standard Test Methods for Thin Thermally Conductive Solid Materials for Electrical Insulation and Dielectric Applications Pages: 5 Replace: ASTM D6343-14(2018)	ASTM E1235-12(2025) Standard Test Method for Gravimetric Determination of Nonvolatile Residue (NVR) in Environmentally Controlled Areas for Spacecraft Pages: 14 Replace: ASTM E1235-12(2020)e1
ASTM D5219-25 Standard Terminology Relating to Body Dimensions for Apparel Sizing Pages: 16 Replace: ASTM D5219-15	ASTM D7267-19a(2025) Standard Test Method for Edge Ravel Resistance of Finished Loop Pile, Pile Yarn Floor Covering Pages: 4 Replace: ASTM D7267-19a(2024)	ASTM E2998-25a Standard Practice for Identification and Classification of Smokeless Powder Pages: 4 Replace: ASTM E2998-25
ASTM D5638-18(2025) Standard Test Method for Chemical Resistance of Electrical Insulating Varnishes Pages: 2 Replace: ASTM D5638-18	ASTM D7637-10(2025) Standard Test Method for Determination of Glycerin Assay by Titration (Sodium Meta Periodate) Pages: 4 Replace: ASTM D7637-10(2021)	ASTM E2999-25a Standard Test Methods for Analysis of Organic Compounds in Smokeless Powder by Gas Chromatography-Mass Spectrometry and Fourier Transform Infrared Spectroscopy Pages: 5 Replace: ASTM E2999-25
ASTM D6053-14(2025) Standard Test Method for Determination of Volatile Organic Compound (VOC) Content of Electrical Insulating Varnishes Pages: 3 Replace: ASTM D6053-14(2018)	ASTM D7638-10(2025) Standard Test Method for Determination of Fatty Acids and Esters in Glycerin Pages: 3 Replace: ASTM D7638-10(2021)	ASTM E3328-25 Standard Guide for Forensic Collection, Analysis, Comparison, and Evaluation of Glass Pages: 14
ASTM D6129-97(2025) Standard Test Method for Silicon in Engine Coolant Concentrates by Atomic Absorption Spectroscopy Pages: 2 Replace: ASTM D6129-97(2021)	ASTM E1142-25a Standard Terminology Relating to Thermophysical Properties Pages: 7 Replace: ASTM E1142-25	ASTM E473-25a Standard Terminology Relating to Thermal Analysis and Rheology

Pages: 4	Geosynthetic Clay Liner by the Direct Shear Method	in the CDC Biofilm Reactor Using the Single Tube Method
Replace: ASTM E473-25	Pages: 12	Pages: 9
ASTM E750-15(2025)	Replace:	Replace: ASTM E2871-21
Standard Practice for Characterizing Acoustic Emission Instrumentation	ASTM D6243/D6243M-20	ASTM E3161-25
Pages: 10	ASTM D6908-25	Standard Practice for Preparing a Pseudomonas aeruginosa or Staphylococcus aureus Biofilm using the CDC Biofilm Reactor
Replace: ASTM E750-15(2020)	Standard Practice for Integrity Testing of Water Filtration Membrane Systems	Pages: 9
ASTM F2973-25	Pages: 20	Replace: ASTM E3161-21
Standard Specification for Insulating Lifting Links for Load Lifting Equipment Working Near Energized Power Lines	Replace: ASTM D6908-06(2017)	ASTM E3218-25
Pages: 6	ASTM D7867-13(2025)e1	Standard Test Method for Quantitative Method for Testing Antimicrobial Agents against Spores of C. difficile on Hard, Nonporous Surfaces
Replace: ASTM F2973-21	Standard Test Methods for Measurement of the Rotational Viscosity of Paints, Inks and Related Liquid Materials as a Function of Temperature	Pages: 9
ASTM D3312-25	Pages: 3	Replace: ASTM E3218-21
Standard Test Method for Percent Reactive Monomer in Solventless Varnishes	Replace:	ASTM E3474-25
Pages: 2	ASTM D7867-13(2020)	Standard Test Method for Measuring the Air Leakage Rate of the Building Envelope of an Individual Test Zone within a Multizone Building
Replace: ASTM D3312-18	ASTM D8352-25	Pages: 6
ASTM D3377-25	Standard Test Method for Determination of Relative Crystallinity of Zeolite Beta by X-Ray Diffraction	ASTM F2059-25
Standard Test Method for Weight Loss of Solventless Varnishes	Pages: 5	Standard Test Method for Laboratory Oil Spill Dispersant Effectiveness Using the Swirling Flask
Pages: 3	Replace: ASTM D8352-20	Pages: 5
Replace: ASTM D3377-04(2018)	ASTM E1582-25	Replace: ASTM F2059-21
ASTM D3424-25	Standard Test Method for Temperature Calibration of Thermogravimetric Analyzers	ASTM F2098-25
Standard Practice for Evaluating the Relative Lightfastness and Weatherability of Printed Matter	Pages: 6	Standard Specification for Stainless Steel Clamps for Securing SDR9 Cross-linked Polyethylene (PEX) Tubing and SDR9 Polyethylene of Raised Temperature (PE-RT) to Metal Insert and Plastic Insert Fittings
Pages: 7	Replace: ASTM E1582-21	Pages: 5
Replace: ASTM D3424-11	ASTM E2785-25a	Replace: ASTM F2098-24
ASTM D3663-25	Standard Practice for Exposure of Firestop Materials to Various Specified Enhanced Environmental Factors	ASTM F2152-25
Standard Test Method for Surface Area of Catalysts and Catalyst Carriers	Pages: 9	
Pages: 5	Replace: ASTM E2785-25	
Replace: ASTM D3663-20	ASTM E2871-25	
ASTM D6243/D6243M-25	Standard Test Method for Determining Disinfectant Efficacy Against Biofilm Grown	
Standard Test Method for Determining the Internal and Interface Shear Strength of		

Standard Guide for In-Situ Burning of Spilled Oil: Fire-Resistant Boom

Pages: 4

Replace: ASTM F2152-07(2021)

ASTM F2327-25

Standard Guide for Selection of Airborne Remote Sensing Systems for Detection and Monitoring of Oil on Water

Pages: 4

Replace: ASTM F2327-21

ASTM F3533/F3533M-25b

Standard Guide for Inspection and Acceptance of Installed Thermoplastic Storm and Sanitary Sewer Pipe

Pages: 7

Replace:

ASTM F3533/F3533M-25a

ASTM D7803-25

Standard Practice for Preparation of Zinc (Hot-Dip Galvanized) Coated Iron and Steel Product and Hardware Surfaces for Powder Coating

Pages: 5

Replace: ASTM D7803-19

ASTM D8624-25

Standard Test Method for Evaluating CO₂ Sensors or Sensor Systems Used in Indoor Applications

Pages: 17

ASTM E1198-25

Standard Practice for Sampling Zooplankton with Pumps

Pages: 3

Replace: ASTM E1198-24

ASTM E1225-25a

Standard Test Method for Thermal Conductivity of Solids Using the Guarded-

Comparative-Longitudinal Heat Flow Technique

Pages: 10

Replace: ASTM E1225-25

ASTM F14-25

Standard Practice for Making and Testing Reference Glass-Metal Bead-Seal

Pages: 4

Replace: ASTM F14-80(2019)

ASTM F3200-25

Standard Terminology for Robotics, Automation, and Autonomous Systems

Pages: 7

Replace: ASTM F3200-23

ASTM A74-25

Standard Specification for Cast Iron Soil Pipe and Fittings

Pages: 46

Replace: ASTM A74-21

ASTM A923-25

Standard Test Methods for Detecting Detrimental Intermetallic Phase in Duplex Austenitic/Ferritic Stainless Steels

Pages: 10

Replace: ASTM A923-23

ASTM B312-25

Standard Test Method for Green Strength of Specimens Compacted from Metal Powders

Pages: 6

Replace: ASTM B312-20

ASTM B438-25

Standard Specification for Bronze-Base Powder Metallurgy (PM) Bearings (Oil-Impregnated)

Pages: 26

Replace: ASTM B438-21

ASTM B439-25

Standard Specification for Iron-Base Powder Metallurgy (PM) Bearings (Oil-Impregnated)

Pages: 14

Replace: ASTM B439-21

ASTM C685/C685M-25

Standard Specification for Concrete Made by Volumetric Batching and Continuous Mixing

Pages: 11

Replace: ASTM C685/C685M-24

ASTM C967-25

Standard Specification for Uranium Ore Concentrate

Pages: 3

Replace: ASTM C967-20

❖ TIÊU CHUẨN JIS

**JIS A 8310-1:2019/
AMENDMENT 1:2025**

Earth-moving machinery- Symbols for operator controls and other displays-Part 1: Common symbols (Amendment 1)

Pages: 6

**JIS A 8310-2:2019/
AMENDMENT 1:2025**

Earth-moving machinery- Symbols for operator controls and other displays-Part 2: Symbols for specific machines, equipment and accessories (Amendment 1)

Pages: 7

JIS B 8803:2025

Rollers for belt conveyor

Pages: 22

JIS C 6020:2025

General rules and testing methods for intercom

Pages: 16

JIS C 61400-1:2025

Wind energy generation systems-Part 1: Design requirements

Pages: 154

JIS H 7350:2025

Superconductivity-Superconducting electronic devices-Generic specification for sensors and detectors

Pages: 34

JIS K 6265:2025

Rubber, vulcanized or thermoplastic-Determination of temperature rise and resistance to fatigue in flexometer testing

Pages: 40

JIS R 6211-8:2025

Bonded abrasive products-Dimensions-Part 8: Grinding wheels for deburring and fettling/snagging on stationary machine

Pages: 10

JIS R 6211-9:2025

Bonded abrasive products-Dimensions-Part 9: Grinding wheels for high-pressure grinding

Pages: 10

JIS X 14533-1:2025

Processes, data elements and documents in commerce, industry and administration-Long term signature-Part 1: Profiles for CMS Advanced Electronic Signatures (CADES)

Pages: 24

JIS X 14533-2:2025

Processes, data elements and documents in commerce, industry and administration-Long term signature-Part 2: Profiles for XML Advanced Electronic Signatures (XAdES)

Pages: 22

JIS X 14533-3:2025

Processes, data elements and documents in commerce, industry and administration-Long term signature profiles-Part 3: Long term signature profiles for PDF Advanced Electronic Signatures (PAdES)

Pages: 30

JIS Z 8101-4:2025

Statistics-Vocabulary and symbols-Part 4: Survey sampling

Pages: 40

JIS Z 9020-2:2025

Control charts-Part 2: Shewhart control charts

Pages: 52

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

DIN EN 126

Safety and control devices for burners and appliances burning gaseous fuels - Multifunctional controls; German version EN 126:2025

DIN EN 16139

Furniture - Safety, strength and durability - Requirements and test methods for non-domestic seating; German version EN 16139:2025

DIN EN 17744

Agricultural and forestry machinery - Environmental requirements for dusters; German version EN 17744:2025

DIN EN 17961

Mountaineering equipment - Load sharing devices - Safety requirements and test methods; German version EN 17961:2025

DIN EN 18079

Wood-based panels - Determination of free melamine

applying extraction and high-performance liquid chromatography (HPLC) with ultraviolet detection; German version EN 18079:2025

DIN EN 650

Resilient floor coverings - Polyvinyl chloride floor coverings on jute backing or on polyester felt backing or on a polyester felt with a polyvinyl chloride backing - Specification; German version EN 650:2025

DIN EN 14932

Plastics - Thermoplastic stretch films for wrapping silage bales; German version EN 14932:2025

DIN EN ISO 11357-3

Plastics - Differential scanning calorimetry (DSC) - Part 3: Determination of temperature and enthalpy of melting and crystallization (ISO 11357-3:2025); German version EN ISO 11357-3:2025

DIN EN 15191

Precast concrete products - Classification of glassfibre reinforced concrete performance; German version EN 15191:2024

DIN EN 228

Automotive fuels - Unleaded petrol - Requirements and test methods; German version EN 228:2025

DIN EN ISO 13672

Fasteners - Parallel grooved pins - Half-length diamond grooves (ISO 13672:2025); German version EN ISO 13672:2025

DIN EN 1017

Chemicals used for treatment of water intended for human

consumption - Half-burnt dolomite; German version EN 1017:2025 DIN EN 15220 Railway applications - Brake indicators; German version EN 15220:2025 DIN EN 590 Automotive fuels - Diesel - Requirements and test methods; German version EN 590:2025 DIN ISO 20121 Event sustainability management systems - Requirements with guidance for use (ISO 20121:2024) DIN EN 16997 Liquid petroleum products - Determination of the sulfur content in Ethanol (E85) automotive fuel - Wavelength dispersive X-ray fluorescence spectrometric method; German version EN 16997:2025 DIN EN ISO 16408 Dentistry - Oral care products - Oral rinses (ISO 16408:2025); German version EN ISO 16408:2025 DIN 15584-1 Digital cinema - Image Projection - Part 1: Image geometries for projection and mastering, their tolerances and test patterns; Text in German and English DIN EN 13374 Temporary edge protection systems - Product specification - Test methods; German version EN 13374:2025 DIN EN 18080 Glass in building - Reaction to fire - Mounting and fixing	instructions for glass products and extended application of test results; German version EN 18080:2025 DIN EN ISO 7720 Fasteners - Prevailing torque hexagon nuts - High nuts (all metal) with slot(s) (ISO 7720:2025); German version EN ISO 7720:2025 DIN EN ISO 20686 Footwear - Critical substances potentially present in footwear and footwear components - Determination of certain organic solvents (ISO 20686:2025); German version EN ISO 20686:2025 DIN EN ISO 21850-2 Dentistry - Materials for dental instruments - Part 2: Polymers (ISO 21850-2:2025); German version EN ISO 21850-2:2025 DIN EN 14972-17 Fixed firefighting systems - Water mist systems - Part 17: Test protocol for residential occupancies for automatic nozzle systems; German version EN 14972-17:2025 DIN EN ISO 284 Conveyor belts - Electrical conductivity - Specification and test method (ISO 284:2025); German version EN ISO 284:2025 DIN EN 1169 Precast concrete products - General rules for production control of glassfibre reinforced concrete; German version EN 1169:2024 DIN EN ISO 8747 Fasteners - Grooved pins with countersunk head - Full-length	diamond grooves (ISO 8747:2025); German version EN ISO 8747:2025 DIN EN ISO 8741 Fasteners - Reverse-taper grooved pins - Half-length progressive grooves (ISO 8741:2025); German version EN ISO 8741:2025 DIN EN ISO 14119 Safety of machinery - Interlocking devices associated with guards - Principles for design and selection (ISO 14119:2024); German version EN ISO 14119:2025 DIN EN ISO 7041 Fasteners - Prevailing torque hexagon nuts - High nuts (with non-metallic insert) (ISO 7041:2025); German version EN ISO 7041:2025 DIN EN ISO 8746 Fasteners - Grooved pins with round head - Full-length diamond grooves (ISO 8746:2025); German version EN ISO 8746:2025 DIN EN ISO 15715 Binders for paints and varnishes - Determination of turbidity (ISO 15715:2025); German version EN ISO 15715:2025 DIN EN ISO 19396-1 Paints and varnishes - Determination of pH value - Part 1: pH sensors with glass membrane (ISO 19396-1:2025); German version EN ISO 19396-1:2025 DIN EN ISO 5530-1 Wheat flour - Physical characteristics of doughs - Part 1: Determination of water
---	--	--

absorption and rheological properties using a farinograph (ISO 5530-1:2025); German version EN ISO 5530-1:2025

DIN EN ISO 16827

Non-destructive testing -

Ultrasonic testing -

Characterization and sizing of discontinuities

(ISO 16827:2025); German version EN ISO 16827:2025

DIN EN ISO 8744

Fasteners - Taper grooved pins -

Full-length progressive grooves

(ISO 8744:2025); German

version EN ISO 8744:2025

DIN EN 1170

Precast concrete products - Test

methods for glassfibre

reinforced concrete; German

version EN 1170:2024

DIN EN 18027

Bio-based products - Life cycle

assessment - Additional

requirements and guidelines for

comparing the life cycles of bio-

based products with their fossil-

based equivalents; German

version EN 18027:2025

DIN EN 16479

Water quality - Performance

requirements and conformity

test procedures for water

monitoring equipment -

Automatic sampling devices

(samplers) for water and waste

water; German version

EN 16479:2023

DIN EN ISO 10833

Textile floor coverings -

Determination of resistance to

damage at cut edges using the

modified Vettermann drum test

(ISO 10833:2025); German

version EN ISO 10833:2025

DIN EN ISO 5530-2

Wheat flour - Physical

characteristics of doughs -

Part 2: Determination of

rheological properties using an

extensograph (ISO 5530-

2:2025); German version

EN ISO 5530-2:2025

DIN EN ISO 8740

Fasteners - Parallel grooved

pins, with chamfer point - Full-

length diamond grooves

(ISO 8740:2025); German

version EN ISO 8740:2025

DIN EN ISO 23953-2

Refrigerated display cabinets -

Part 2: Classification,

requirements and test

conditions (ISO 23953-2:2023);

German version EN ISO 23953-

2:2023

DIN EN 6118

Aerospace series - Pure

aluminium IVD coating for

fasteners; German and English

version EN 6118:2025

DIN EN ISO 2440

Flexible and rigid cellular

polymeric materials -

Accelerated ageing tests

(ISO 2440:2025); German

version EN ISO 2440:2025

DIN EN ISO 16809

Non-destructive testing -

Ultrasonic thickness

determination

(ISO 16809:2025); German

version EN ISO 16809:2025

DIN EN ISO 19396-2

Paints and varnishes -

Determination of pH value -

Part 2: pH sensors with ISFET

technology (ISO 19396-2:2025);

German version EN ISO 19396-

2:2025

DIN EN ISO 7012-2

Paints and varnishes -

Determination of preservatives

in water-dilutable coating

materials - Part 2:

Determination of in-can total

formaldehyde (ISO 7012-

2:2025); German version

EN ISO 7012-2:2025

DIN EN ISO 7042

Fasteners - Prevailing torque

hexagon nuts - High nuts (all

metal) (ISO 7042:2025);

German version

EN ISO 7042:2025

DIN EN 13203-1

Gas fired domestic appliances

producing hot water - Part 1:

Assessment of performance of

hot water deliveries; German

version EN 13203-1:2025

DIN EN 12310-1

Flexible sheets for

waterproofing - Determination

of resistance to tearing (nail

shank) - Part 1: Bitumen sheets

for roof waterproofing; German

version EN 12310-1:2025

DIN EN 1848-1

Flexible sheets for

waterproofing - Determination

of length, width and

straightness - Part 1: Bitumen

sheets for roof waterproofing;

German version EN 1848-

1:2025

DIN EN 1459-1

Rough-terrain trucks - Safety

requirements and verification -

Part 1: Variable-reach trucks;

German version EN 1459-

1:2025

DIN EN ISO 7719

Fasteners - Prevailing torque

hexagon nuts - Regular nuts (all

metal) (ISO 7719:2025); German version EN ISO 7719:2025 DIN EN ISO 5530-2 Wheat flour - Physical characteristics of doughs - Part 2: Determination of rheological properties using an extensograph (ISO 5530-2:2025); German version EN ISO 5530-2:2025 DIN EN ISO 8740 Fasteners - Parallel grooved pins, with chamfer point - Full-length diamond grooves (ISO 8740:2025); German version EN ISO 8740:2025 DIN EN ISO 23953-2 Refrigerated display cabinets - Part 2: Classification, requirements and test conditions (ISO 23953-2:2023); German version EN ISO 23953-2:2023 DIN EN 6118 Aerospace series - Pure aluminium IVD coating for fasteners; German and English version EN 6118:2025 DIN EN ISO 2440 Flexible and rigid cellular polymeric materials - Accelerated ageing tests (ISO 2440:2025); German version EN ISO 2440:2025 DIN EN ISO 16809 Non-destructive testing - Ultrasonic thickness determination (ISO 16809:2025); German version EN ISO 16809:2025 DIN EN ISO 10512 Fasteners - Prevailing torque hexagon nuts - Regular nuts (with non-metallic insert), with	fine pitch thread (ISO 10512:2025); German version EN ISO 10512:2025 DIN EN ISO 14889 Ophthalmic optics - Spectacle lenses - Fundamental requirements for uncut finished lenses (ISO 14889:2025); German version EN ISO 14889:2025 DIN EN ISO 1891-2/A1 Fasteners - Terminology - Part 2: Vocabulary and definitions for coatings - Amendment 1 (ISO 1891-2:2014/Amd 1:2020); German version EN ISO 1891-2:2014/A1:2021 DIN EN 868-3 Packaging for terminally sterilized medical devices - Part 3: Paper for use in the manufacture of paper bags (specified in EN 868-4) and in the manufacture of pouches and reels (specified in EN 868-5) - Requirements and test methods; German version EN 868-3:2025 DIN EN ISO 6270-2 Paints and varnishes - Determination of resistance to humidity - Part 2: Condensation (in-cabinet exposure with heated water reservoir) (ISO 6270-2:2025); German version EN ISO 6270-2:2025 DIN EN ISO 527-2 Plastics - Determination of tensile properties - Part 2: Test conditions for moulding and extrusion plastics (ISO 527-2:2025); German version EN ISO 527-2:2025 DIN EN ISO 11357-5	Plastics - Differential scanning calorimetry (DSC) - Part 5: Determination of characteristic reaction-curve temperatures and times, enthalpy of reaction and degree of conversion (ISO 11357-5:2025); German version EN ISO 11357-5:2025 DIN EN ISO 11357-5 Plastics - Differential scanning calorimetry (DSC) - Part 5: Determination of characteristic reaction-curve temperatures and times, enthalpy of reaction and degree of conversion (ISO 11357-5:2025); German version EN ISO 11357-5:2025 DIN EN ISO 16831 Non-destructive testing - Ultrasonic testing - Characterization and verification of ultrasonic equipment for the determination of thickness (ISO 16831:2025); German version EN ISO 16831:2025 DIN EN ISO 15708-4 Non-destructive testing - Radiation methods for computed tomography - Part 4: Qualification (ISO 15708-4:2025); German version EN ISO 15708-4:2025 DIN EN ISO 19085-5 Woodworking machines - Safety - Part 5: Dimension saws (ISO 19085-5:2024); German version EN ISO 19085-5:2024 DIN EN ISO 1183-1 Plastics - Methods for determining the density of non-cellular plastics - Part 1: Immersion method, liquid pycnometer method and titration method (ISO 1183-
--	---	--

1:2025); German version
EN ISO 1183-1:2025

DIN EN ISO 9073-5

Nonwovens - Test methods -
Part 5: Determination of
resistance to mechanical
penetration (ball burst
procedure) (ISO 9073-5:2025);
German version EN ISO 9073-
5:2025

DIN EN 868-6

Packaging for terminally
sterilized medical devices -
Part 6: Paper for low
temperature sterilization
processes - Requirements and
test methods; German version
EN 868-6:2025

DIN EN ISO 10511

Fasteners - Prevailing torque
hexagon nuts - Thin nuts (with
non-metallic insert)
(ISO 10511:2025); German
version EN ISO 10511:2025

DIN EN ISO 7040

Fasteners - Prevailing torque
hexagon nuts - Regular nuts
(with non-metallic insert)
(ISO 7040:2025); German
version EN ISO 7040:2025

DIN EN ISO 16383-1

Geotechnical investigation and
testing - Laboratory testing of
rock - Part 1: Determination of
water content (ISO 16383-
1:2025); German version
EN ISO 16383-1:2025

DIN EN ISO 18374

Dentistry - Artificial
intelligence (AI) and augmented
intelligence (Aul) based 2D
radiograph analysis - Data
generation, data annotation and
data processing

(ISO 18374:2025); German
version EN ISO 18374:2025

DIN EN ISO 8502-5

Preparation of steel substrates
before application of paints and
related products - Tests for the
assessment of surface
cleanliness - Part 5:

Measurement of chloride on
steel surfaces prepared for
painting (ion detection tube
method) (ISO 8502-5:2025);
German version EN ISO 8502-
5:2025

DIN EN 868-2

Packaging for terminally
sterilized medical devices -
Part 2: Sterilization wrap -
Requirements and test
methods; German version
EN 868-2:2025

DIN EN ISO 15708-3

Non-destructive testing -
Radiation methods for
computed tomography - Part 3:
Operation and interpretation
(ISO 15708-3:2025); German
version EN ISO 15708-3:2025

DIN EN ISO 2361

Electrodeposited nickel coatings
on magnetic and non-magnetic
substrates - Measurement of
coating thickness - Magnetic
method (ISO 2361:2025);
German version
EN ISO 2361:2025

DIN ISO 226

Acoustics - Normal equal-
loudness-level contours
(ISO 226:2023); Text in German
and English

DIN EN ISO 16276-1

Corrosion protection of steel
structures by protective paint
systems - Assessment of, and

acceptance criteria for, the
adhesion/cohesion (fracture
strength) of a coating - Part 1:
Pull-off testing (ISO 16276-
1:2025); German version
EN ISO 16276-1:2025

DIN EN 868-7

Packaging for terminally
sterilized medical devices -
Part 7: Adhesive coated paper
for low temperature
sterilization processes -
Requirements and test
methods; German version
EN 868-7:202

DIN EN ISO 21207

Corrosion tests in artificial
atmospheres - Accelerated
corrosion tests involving
alternate exposure to corrosion-
promoting gases, neutral salt-
spray and drying
(ISO 21207:2025); German
version EN ISO 21207:2025

DIN EN 868-4

Packaging for terminally
sterilized medical devices -
Part 4: Paper bags -
Requirements and test
methods; German version
EN 868-4:2025

DIN EN ISO 18752

Rubber hoses and hose
assemblies - Wire- or textile-
reinforced single-pressure types
for hydraulic applications -
Specification (ISO 18752:2025);
German version
EN ISO 18752:2025

DIN EN 16510-2-10

Residential solid fuel burning
appliances - Part 2-10: Multi-
firing sauna stoves fired by
natural wood logs; German
version EN 16510-2-10:2025

DIN EN ISO 16276-2

Corrosion protection of steel structures by protective paint systems - Assessment of, and acceptance criteria for, the adhesion/cohesion (fracture strength) of a coating - Part 2: Cross-cut testing and X-cut testing (ISO 16276-2:2025); German version EN ISO 16276-2:2025

DIN EN 16510-2-10

Residential solid fuel burning appliances - Part 2-10: Multi-firing sauna stoves fired by natural wood logs; German version EN 16510-2-10:2025

DIN EN 15085-2

Railway applications - Welding of railway vehicles and components - Part 2: Requirements for welding manufacturer; German version EN 15085-2:2020+A2:2025

DIN EN ISO 7012-3

Paints and varnishes - Determination of preservatives in water-dilutable coating materials - Part 3: Determination of in-can isothiazolinones with LC-UV and LC-MS (ISO 7012-3:2025); German version EN ISO 7012-3:2025

DIN EN ISO 10993-4

Biological evaluation of medical devices - Part 4: Selection of tests for interactions with blood (ISO 10993-4:2017 + Amd 1:2025, Corrected version 2025-04); German version EN ISO 10993-4:2017 + A1:2025

DIN EN ISO 7012-1

Paints and varnishes - Determination of preservatives in water-dilutable coating materials - Part 1:

Determination of in-can free formaldehyde (ISO 7012-1:2025); German version EN ISO 7012-1:2025

DIN EN 12953-6

Shell Boilers - Part 6: Requirements for equipment for the boiler; German version EN 12953-6:2024

DIN EN 755-2

Aluminium and aluminium alloys - Extruded rod/bar, tube and profiles - Part 2: Mechanical properties; German version EN 755-2:2025

DIN EN ISO 14644-5

Cleanrooms and associated controlled environments - Part 5: Operations (ISO 14644-5:2025); German version EN ISO 14644-5:2025

DIN EN 3475-513

Aerospace series - Cables, electrical, aircraft use - Test methods - Part 513: Deformation resistance (installation with plastic cable ties); German and English version EN 3475-513:2025

DIN EN 3375-011

Aerospace series - Cable, electrical for digital data transmission - Part 011: Single braid - Star Quad 100 ohms - Lightweight - Type KL - Product standard; German and English version EN 3375-011:2025

DIN EN 13036-8

Road and airfield surface characteristics - Test methods -

Part 8: Determination of transverse unevenness and crossfall indices; German version EN 13036-8:2025

DIN EN 1992-1-1

Eurocode 2: Design of concrete structures - Part 1-1: General rules and rules for buildings, bridges and civil engineering structures; German version EN 1992-1-1:2023

DIN EN 14944-2

Influence of cement based products on water intended for human consumption - Test methods - Part 2: Influence of site-applied cement based materials and associated non-cement based products/materials on organoleptic parameters and migration of organic substances (TOC); German version EN 14944-2:2025

DIN EN 14944-4

Influence of cement based products on water intended for human consumption - Test methods - Part 4: Migration of substances from site-applied cement based materials and associated non-cement based products/materials; German version EN 14944-4:2025

DIN EN 4641-103

Aerospace series - Cables, optical 125 µm diameter cladding - Part 103: Semi-loose, ruggedized simplex construction 62,5 µm/125 µm GI fibre nominal 2,74 mm, outside diameter - Product standard; German and English version EN 4641-103:2025

DIN EN ISO 14723

Oil and gas industries including lower carbon energy - Pipeline transportation systems - Subsea pipeline valves

(ISO 14723:2025); English version EN ISO 14723:2025

DIN EN 4641-102

Aerospace series - Cables, optical 125 µm diameter cladding - Part 102: Semi-loose 62,5 µm/125 µm GI fibre nominal 1,8 mm outside diameter - Product standard; German and English version EN 4641-102:2025

DIN 5031-100

Optical radiation physics and illuminating engineering - Part 100: Melanopic effects of ocular light on human beings - Quantities, symbols and action spectr

DIN EN 2591-403

Aerospace series - Elements of electrical and optical connection - Test methods - Part 403: Sinusoidal and random vibration; German and English version EN 2591-403:2025

DIN EN 9300-125

Aerospace series - LOTAR - Long Term Archiving and Retrieval of digital technical product documentation such as 3D, CAD and PDM data - Part 125: Explicit CAD assembly structure with Graphic Product and Manufacturing Information (PMI); English version EN 9300-125:2023

DIN EN 9300-120

Aerospace series - LOTAR - Long Term Archiving and

Retrieval of digital technical product documentation such as 3D, CAD and PDM data - Part 120: CAD 3D explicit geometry with graphic product and manufacturing information; English version EN 9300-120:2023

DIN EN 9300-121

Aerospace series - LOTAR - Long Term Archiving and Retrieval of digital technical product documentation such as 3D CAD and PDM data - Part 121: Semantic representation of CAD 3D Explicit Geometry with Product and Manufacturing Information; English version EN 9300-121:202

DIN EN ISO 17419

Intelligent transport systems - Globally unique identification (ISO 17419:2025); English version EN 17419:2025
DIN SPEC 91520

Interface between quantum computer backends and software frameworks; Text in English 12855:2025

❖ **Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)**

UL 30 Edition 10, 2025

Metallic and Nonmetallic Safety Cans for Flammable and Combustible Liquids

UL 110 Edition 3, 2025

Sustainability for Mobile Phones

UL 150 Edition 4, 2025

Standard for Antenna Rotators

UL 203A Edition 1, 2025

Standard for Sway Brace Devices for Sprinkler System Piping

UL 213C Edition 1, 2025

Grooved and Plain End Fittings

UL 217 Edition 10, 2025

Standard for Smoke Alarms

UL 218 Edition 3, 2025

Fire Pump Controllers

UL 234 Edition 5, 2025

Standard for Low Voltage Lighting Fixtures for Use in Recreational Vehicles

UL 248-8 Edition 3, 2025

Low-Voltage Fuses - Part 8: Class J Fuses

UL 248-10 Edition 3, 2025

Low-Voltage Fuses - Part 10: Class L Fuses

UL 262 Edition 8, 2025

Standard for Gate Valves for Fire-Protection Service

UL 263 Edition 14, 2025

Standard for Fire Tests of Building Construction and Materials

UL 268 Edition 8, 2025

Smoke Detectors for Fire Alarm Systems

UL 307A Edition 10, 2025

Liquid Fuel-Burning Heating Appliances for Manufactured Homes and Recreational Vehicles

UL 325 Edition 7, 2025

Door, Drapery, Gate, Louver, and Window Operators and Systems

UL 393 Edition 8, 2025

Standard for Indicating Pressure Gauges for Fire-Protection Service

UL 410 Edition 3, 2025

Standard for Slip Resistance of Floor Surface Materials

UL 414 Edition 10, 2025 Meter Sockets	Standard for Polymeric Materials - Short Term Property Evaluations	Standard for Electric Household Cooking and Food Serving Appliances
UL 448 Edition 12, 2025 Centrifugal Stationary Pumps for Fire-Protection Service	UL 746B Edition 5, 2025 Standard for Polymeric Materials - Long Term Property Evaluations	UL 1053 Edition 7, 2025 Standard for Ground-Fault Sensing and Relaying Equipment
UL 448C Edition 2, 2025 Standard for Stationary, Rotary- Type, Positive-Displacement Pumps for Fire-Protection Service	UL 746S Edition 1, 2025 Evaluation of Sustainable Polymeric Materials for use in Electrical Equipment	UL 1053 Edition 7, 2025 Standard for Ground-Fault Sensing and Relaying Equipment
UL 499 Edition 14, 2025 Standard for Electric Heating Appliances	UL 763 Edition 5, 2025 Standard for Motor-Operated Commercial Food Preparing Machines	UL 1242 Edition 4, 2025 Standard for Electrical Intermediate Metal Conduit - Steel
UL 514C Edition 4, 2025 Standard for Nonmetallic Outlet Boxes, Flush-Device Boxes, and Covers	UL 771 Edition 9, 2025 Standard for Night Depositories	UL 1323 Edition 4, 2025 Standard for Scaffold Hoists
UL 541 Edition 9, 2025 Standard for Refrigerated Vending Machines	UL 810A Edition 1, 2025 Standard for Electrochemical Capacitors	UL 1400-2 Edition 1, 2025 Cables in Fault-Managed Power Systems
UL 588 Edition 19, 2025 Standard for Seasonal and Holiday Decorative Products	UL 810B Edition 2, 2025 DC Power Capacitors	UL 1439 Edition 5, 2025 Standard for Tests for Sharpness of Edges on Equipment
UL 634 Edition 9, 2025 Standard for Connectors and Switches for Use with Burglar- Alarm Systems	UL 857 Edition 14, 2025 Busways	UL 1449 Edition 5, 2025 Surge Protective Devices
UL 651 Edition 8, 2025 Standard for Schedule 40 and 80 Rigid PVC Conduit and Fittings	UL 869A Edition 4, 2025 Reference Standard for Service Equipment	UL 1450 Edition 4, 2025 Standard for Motor-Operated Air Compressors, Vacuum Pumps, and Painting Equipment
UL 651A Edition 6, 2025 High Density Polyethylene (HDPE) Conduit	UL 879 Edition 9, 2025 Standard for Electric Sign Components	UL 1479 Edition 4, 2025 Standard for Fire Tests of Penetration Firestops
UL 676 Edition 9, 2025 Standard for Underwater Luminaires and Submersible Junction Boxes	UL 879A Edition 1, 2025 LED KITS	UL 1487 Edition 1, 2025 Battery Containment Enclosures
UL 681 Edition 5, 2025 Standard for Installation and Classification of Burglar and Holdup Alarm Systems	UL 943B Edition 3, 2025 Standard for Appliance Leakage-Current Interrupters	UL 1598 Edition 5, 2025 Luminaires
UL 746A Edition 6, 2025	UL 971 Edition 2, 2025 Standard for Nonmetallic Underground Piping For Flammable Liquids	UL 1640 Edition 4, 2025 Standard for Portable Power- Distribution Equipment
	UL 1008M Edition 1, 2025 Transfer Switch Equipment, Meter-Mounted	UL 1650 Edition 1, 2025 Portable Power Cable
	UL 1026 Edition 6, 2025	UL 1741 Edition 3, 2025 Standard for Inverters, Converters, Controllers and

Interconnection System Equipment for Use With Distributed Energy Resources UL 1821 Edition 4, 2025 ANSI/CAN/UL Standard for Thermoplastic Sprinkler Pipe and Fittings for Fire Protection Service UL 1838 Edition 3, 2025 Standard for Low Voltage Landscape Lighting Systems UL 2075 Edition 2, 2025 Standard for Gas and Vapor Detectors and Sensors UL 2112 Edition 1, 2025 Subject for Venting Systems for Use with Gas-Fired Vent Appliances UL 2152 Edition 1, 2025 ANSI/CAN/UL/ULC Special Purpose Nonmetallic Containers and Tanks for Specific Combustible or Noncombustible Liquids UL 2200 Edition 3, 2025 Stationary Engine Generator Assemblies UL 2255 Edition 3, 2025 Receptacle Closures UL 2367 Edition 2, 2025 Solid State Overcurrent Protectors UL 2388 Edition 2, 2025 Standard for Flexible Lighting Products UL 2420 Edition 1, 2025 Standard for Belowground Reinforced Thermosetting Resin Conduit (RTRC) and Fittings UL 2557 Edition 1, 2025 Membrane Switches UL 2743 Edition 3, 2025 Portable Power Packs UL 2941 Edition 1, 2025	Outline of Investigation for Cybersecurity of Distributed Energy and Inverter-Based Resources UL 3100 Edition 1, 2025 Automated Mobile Platforms (AMPs) UL 5840 Edition 1 Electrical Systems of Battery Powered Aviation Ground Support Equipment UL 8750 Edition 2 Standard for Light Emitting Diode (LED) Equipment for Use in Lighting Products UL 9540 Edition 3 Energy Storage Systems and Equipment UL 12402- 5 Edition 1 Personal Flotation Devices - Part 5: Buoyancy Aids (Level 50) - Safety Requirements UL 60079- 7 Edition 5 Explosive Atmospheres - Part 7: Equipment protection by increased safety 'e' UL 60079- 11 Edition 6 CSDS Proposal Edition 6 September 15, 2025 Last Revised: September 12, 2025 UL 60079- 30-1 Edition 1, 2025 Explosive Atmospheres - Part 30-1: Electrical Resistance Trace Heating - General and Testing Requirements UL 60079- 31 Edition 3, 2025 Explosive Atmospheres - Part 31: Equipment Dust Ignition Protection by Enclosure UL 60335- 2-89 Edition 2, 2025 Standard for Safety for Household and Similar	Electrical Appliances – Safety – Part 2-89: Particular Requirements for Commercial Refrigerating Appliances and Ice-Makers with an Incorporated or Remote Refrigerant Unit or Motor-Compressor UL 60384- 14 Edition 3, 2025 Fixed Capacitors for Use In Electronic Equipment - Part 14: Sectional Specification - Fixed Capacitors for Electromagnetic Interference Suppression and Connection to the Supply Mains UL 60730- 1 Edition 6, 2025 Standard for Automatic Electrical Controls - Part 1: General Requirements UL 60730- 2-22 Edition 1 Automatic Electrical Controls - Part 2-22: Particular Requirements for Thermal Motor Protectors UL 61058- 1-2 Edition 1 Switches for Appliances - Part 1-2: Requirements for Electronic Switches UL 61215- 1 Edition 2 Terrestrial Photovoltaic (PV) Modules - Design Qualification and Type Approval - Part 1: Test Requirements UL 61800- 5-1 Edition 2 Adjustable Speed Electrical Power Drive Systems - Part 5-1: Safety Requirements - Electrical, Thermal and Energy UL 62784 Edition 1 Vacuum Cleaners and Dust Extractors Providing Equipment Protection Level Dc for the Collection of Combustible Dusts - Particular Requirements
--	--	---

<p>UL 62841- 2-10 Edition 1, 2025 Standard for Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-10: Particular Requirements For Hand-Held Mixers</p> <p>UL 62841- 2-20 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-20 Particular Requirements for Hand-Held Band Saws</p> <p>UL 62841- 2-21 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-21: Particular Requirements For Hand-Held Drain Cleaners</p> <p>UL 62841- 2-23 Edition 1, 2025</p>	<p>Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-22 Particular Requirements for Hand-Held Die Grinders and Small Rotary Tools</p> <p>UL 80079- 36 Edition 1, 2025 Explosive Atmospheres - Part 36: Non-Electrical Equipment for Explosive Atmospheres - Basic Method and Requirements</p> <p>UL 80079- 37 Edition 1, 2025 Explosive Atmospheres - Part 37: Non-Electrical Equipment for Explosive Atmospheres - Non Electrical Type of Protection Constructional Safety</p> <p>ULC 112 Edition 3, 2025 Standard Methods of Fire Test of Fire-Damper Assemblies</p> <p>ULC 112.1 Edition 2, 2025 Standard for Leakage Rated Dampers for Use in Smoke Control Systems</p> <p>ULC 304 Edition 4, 2025</p>	<p>Standard for Control Units, Accessories and Receiving Equipment for Intrusion Alarm Systems</p> <p>ULC 529 Edition 5, 2025 Smoke Detectors for Fire Alarm Systems</p> <p>ULC 531 Edition 5, 2025 Standard for Smoke Alarms</p> <p>ULC 588 Edition 1, 2025 Gas and Vapour Detectors and Sensors, Including Accessories</p> <p>ULC 676 Edition 2, 2025 Standard for Refurbishing of Storage Tanks for Flammable and Combustible Liquids</p> <p>ULC 741 Edition 1, 2025 Standard for Air Barrier Materials - Specification</p> <p>ULC 742 Edition 2, 2025 Standard for Air Barrier Assemblies - Specification</p> <p>ULC 2200 Edition 3, 2025 Stationary Engine Generator Assemblies</p>
--	--	---

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn